

Form 08_CBT/SGDHN

(Issued with the Decision No.../QĐ-SGDHN on, 2016 of the CEO of Hanoi Stock Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG
TIÊU DÙNG MASAN
MASAN CONSUMER
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 425/2025/CV-MSC
No: /

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2025
....., day ... month ... year

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: State Securities Commission
Hanoi Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
- Mã chứng khoán/Stock code: MCH
- Địa chỉ/Address: Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel.: 028. 62555660 Fax: 028. 38109463
- E-mail: information@msc.masangroup.com

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
The resolutions of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về mức cổ tức năm 2024;
Shareholder approval on the 2024 dividend;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về tạm ứng cổ tức năm 2025;
Shareholder approval on the 2025 dividend advance;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch kinh doanh 2025 của Công ty;
Shareholder approval on the 2025 business plan;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về phát hành cổ phần theo chương trình ESOP;
Shareholder approval on the issuance of new shares under ESOP plan;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về sửa đổi Điều lệ của Công ty;
Shareholder approval on the amendment of the Company's Charter;

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed)



3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/4/2025 tại đường dẫn <https://www.masanconsumer.com/> This information was published on the company's website on 25 April 2025, as in the link <https://www.masanconsumer.com/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

*** Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/Documents on disclosed information.

**Đại diện tổ chức
Organization representative**

Người UQ CBTT

Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



Đỗ Thị Hoàng Yến



Số: 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ-MSC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều Lệ được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“**Công ty**” hoặc “**Masan Consumer**”) thông qua ngày 01 tháng 4 năm 2021, được sửa đổi tại từng thời điểm; và
- Căn cứ Biên Bản Hội Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty ngày 25 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2024.

Điều 2. Thông qua báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán năm 2024.

Điều 3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

Điều 4. Thông qua kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2025 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: tỷ VND

Nội dung	Kế hoạch năm 2025
Doanh thu thuần (Net revenue)	33.500 – 35.500
Lợi nhuận sau thuế TNDN (NPAT - Pre MI)	7.300 – 7.800

Điều 5. Thông qua phương án chia cổ tức năm 2024 của Công ty như sau:

- Chia cổ tức năm 2024: với tổng số tiền 6.884.059.014.500 VND (đã thực hiện chi trả trong năm 2024), tương ứng với tỉ lệ 95%/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 9.500 VND) vào thời điểm chi trả.

Điều 6. Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2025 từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty, với mức tạm ứng cổ tức tối đa là 60% (tức 1 cổ phiếu được nhận mức tạm ứng cổ tức năm 2025 tối

đa là 6.000 đồng). Phê duyệt việc ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và đảm bảo tối ưu hóa dòng tiền, được toàn quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc tạm ứng cổ tức năm 2025, bao gồm việc có hoặc không có thực hiện tạm ứng cổ tức, mức tạm ứng cổ tức, số đợt chi trả, thời gian, phương thức chi trả và các vấn đề khác liên quan đến tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

Điều 7. Thông qua việc chọn một trong các công ty kiểm toán dưới đây là đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2024 của Công ty và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, và cho phép Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc lựa chọn, ký kết và thực hiện hợp đồng kiểm toán với một trong các công ty đó:

- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam); và
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Điều 8. Thông qua thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2024 là: 0 VND và kế hoạch ngân sách cho chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, bao gồm cả các ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (nếu có), trong năm 2024 là không quá 2 tỷ VND.

Điều 9. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) của Công ty như sau:

1. Phương án phát hành:

- Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu cho nhân viên của Công ty và các công ty con trong Công ty theo chương trình lựa chọn cho người lao động nhằm ghi nhận đóng góp của người lao động cho Công ty, các công ty con trong năm qua, tạo động lực để người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và gắn bó lâu dài với Công ty và các công ty con.
- Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành: số tiền thu được từ việc phát hành sẽ được sử dụng để tăng vốn điều lệ, phục vụ cho nhu cầu hoạt động kinh doanh thông qua việc bổ sung vốn lưu động của Công ty.
- Loại cổ phần phát hành: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Thời điểm phát hành dự kiến: trong năm 2025 hoặc 4 tháng đầu năm 2026.
- Phương thức phát hành: phát hành cổ phần mới trực tiếp cho người lao động
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: tối đa 0,5% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Đối tượng phát hành: là nhân viên của Công ty và các công ty con có thành tích nổi bật, đóng góp đặc biệt vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, các Công ty con, đem lại giá trị tăng trưởng về mặt dài hạn cho Công ty và các Công ty con.
- Tiêu chuẩn người lao động được tham gia Chương trình lựa chọn cho người lao động:
 - ✓ Số lượng cổ phiếu Chương trình ESOP được phân phối cho từng người lao động dựa trên các tiêu chuẩn sau:
 - Kết quả đóng góp cho sự phát triển của Công ty và các công ty con;
 - Trách nhiệm được giao và khối lượng công việc phụ trách;
 - Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban và cá nhân;

- Chức vụ;
 - Mức lương; và
 - Ngạch bậc.
- ✓ Hội đồng Quản trị căn cứ theo các tiêu chuẩn nêu trên để quyết định chi tiết tiêu chí đánh giá, nguyên tắc xác định số cổ phần phân phối cho từng người lao động và danh sách người lao động tham gia Chương trình ESOP.
- Phương án xử lý số cổ phiếu không phân phối hết: trong trường hợp người lao động không thực hiện quyền mua hoặc không mua hết số lượng cổ phần được quyền mua, giao cho Hội đồng Quản trị quyết định phát hành số cổ phần chưa được mua này cho người lao động khác trong danh sách ban đầu với cùng mức giá phát hành và/hoặc ghi nhận số lượng mua thực tế và kết thúc đợt phát hành.
 - Hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
2. Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế được phát hành thêm.
 3. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ về mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế được phát hành.
 4. Thông qua việc đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung cho số lượng cổ phần thực tế được phát hành với Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán.
 5. Giao Hội đồng Quản trị:
 - ban hành quy chế phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
 - quyết định phương thức phát hành; tổng số lượng cổ phần phát hành phù hợp phương án phát hành và quy định của pháp luật; danh sách người lao động được tham gia chương trình; nguyên tắc xác định và số lượng cổ phiếu phát hành cho từng người lao động và thời gian thực hiện;
 - thực hiện các công việc và thủ tục cần thiết để phong tỏa tạm thời tỷ lệ sở hữu nước ngoài hoặc thực hiện các phương án khác trước khi phát hành cổ phần cho người lao động trong trường hợp phát hành cổ phiếu cho người lao động là nhà đầu tư nước ngoài để đảm bảo việc phát hành cổ phần này đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty (nếu có);
 - thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký tăng vốn điều lệ tại Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký lưu ký bổ sung số cổ phần thực tế phát hành tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phần thực tế phát hành được tại Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - quyết định phương án xử lý số cổ phần không phân phối hết;
 - bổ sung hoặc sửa đổi phương án phát hành theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan; và
 - quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà Hội đồng Quản trị thấy là cần thiết liên quan đến việc phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
 - Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

Điều 10. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty:

1. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ của Công ty phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Bản Điều lệ mới này thay thế bản Điều lệ ngày 01/04/2021 và các bản điều chỉnh Điều lệ kèm theo.
2. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ của Công ty phân quy định về vốn điều lệ và tổng số cổ phần trên cơ sở số lượng cổ phần phổ thông thực tế được phát hành do thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ bằng cách phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).
3. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị của Công ty (và phê duyệt việc Hội đồng Quản trị ủy quyền lại cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị) chấp bút thông qua bản Điều lệ sửa đổi, đồng thời ghi vào Điều lệ số vốn điều lệ và tổng số cổ phần cụ thể căn cứ trên thực tế thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ bằng cách phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Điều 11. Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty:

1. Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (“**Quy Chế Quản Trị**”) phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Bản Quy Chế Quản Trị mới này thay thế Quy chế nội bộ về quản trị công ty ngày 01/4/2021 của Công ty.
2. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chấp bút thông qua bản Quy Chế Quản Trị sửa đổi.

Điều 12. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 13. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại Tầng 5, GEM Center, Số 8 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“**Công ty**”) tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025.

THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI:

1.1. Cổ đông:

Có **106** cổ đông và người được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội, đại diện cho **698.165.020** cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, chiếm tỉ lệ **96,35%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội (ngày lập danh sách cổ đông) (do Công ty có **10.915.388** cổ phiếu quỹ nên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là **724.637.791** cổ phần).

1.2. Hội đồng Quản trị đương nhiệm gồm

Ông Danny Le,	Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
Ông Trương Công Thắng,	Thành viên Hội đồng Quản trị;
Bà Nguyễn Hoàng Yến,	Thành viên Hội đồng Quản trị;
Ông Nguyễn Thiệu Quang,	Thành viên Hội đồng Quản trị;
Bà Nguyễn Thị Thu Hà,	Thành viên Hội đồng Quản trị;
Bà Nguyễn Thu Hiền,	Thành viên Hội đồng Quản trị.

1.3. Ủy ban Kiểm toán đương nhiệm gồm

Bà Nguyễn Thu Hiền,	Trưởng Ban;
Ông Nguyễn Thiệu Quang,	Thành viên.

1.4. Ban điều hành đương nhiệm gồm

Trương Công Thắng,	Tổng Giám đốc;
Bà Nguyễn Hoàng Yến,	Phó Tổng Giám đốc;
Ông Phạm Hồng Sơn,	Phó Tổng Giám đốc.

NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

I - THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ DỰ HỌP:

Ban tổ chức Đại hội báo cáo kết quả đăng ký dự họp và thông báo số lượng cổ đông họp

lệ để tiến hành Đại hội phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và các Điều 17, 18 và 19 Điều lệ hiện hành của Công ty.

II - CHỦ TỌA, BẦU THƯ KÝ VÀ BAN KIỂM PHIẾU:

Đại hội đã biểu quyết thông qua Thư ký và Ban Kiểm phiếu như sau:

1. Chủ tọa:

- Ông Danny Le – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

2. Thư ký:

- Bà Đỗ Thị Hoàng Yến.

3. Ban Kiểm phiếu:

- Ông Huỳnh Công Hoàn - Trưởng ban
- Ông Trần Quốc Đạt - Thành viên
- Ông Nguyễn Công Tuấn Anh - Thành viên

III - GIỚI THIỆU NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI:

Ông Danny Le giới thiệu nội dung chương trình và nguyên tắc làm việc của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025, diễn ra ngày 25/4/2025 của Công ty và đã được Đại hội biểu quyết thông qua.

IV- CÁC BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI:

1. Ông Danny Le – Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT trình bày báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2024.
2. Ông Danny Le – Chủ tịch HĐQT và Ông Trương Công Thắng – Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động năm 2024, kế hoạch năm 2025 và mục tiêu tăng trưởng trong những năm tiếp theo.
3. Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban Kiểm toán năm 2024.
4. Các vấn đề được Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua:
 - Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được kiểm toán;
 - Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2025 của Công ty;
 - Phương án chia cổ tức năm 2024 và tạm ứng cổ tức năm 2025;
 - Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025 của Công ty;
 - Thù lao của thành viên HĐQT và ngân sách hoạt động của HĐQT trong năm 2025;
 - Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); và
 - Việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

V- CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI:

Sau khi thảo luận, các cổ đông tham dự đã nhất trí quyết nghị từng nội dung sau:

Điều 1. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2024.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết): 697.925.845 phiếu
 Phương thức biểu quyết: Trực tiếp tại cuộc họp
 Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 697.925.845 phiếu
 Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu
 Tổng số phiếu tán thành: 697.925.845 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
 Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
 Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Điều 2. Thông qua báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán năm 2024.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết): 697.925.845 phiếu
 Phương thức biểu quyết: Trực tiếp tại cuộc họp
 Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 697.925.845 phiếu
 Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu
 Tổng số phiếu tán thành: 697.925.845 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
 Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
 Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Điều 3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết): 697.925.845 phiếu
 Phương thức biểu quyết: Trực tiếp tại cuộc họp
 Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 697.925.845 phiếu
 Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu
 Tổng số phiếu tán thành: 697.925.845 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
 Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
 Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Điều 4. Thông qua kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2025 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: tỷ VND

Nội dung	Kế hoạch năm 2025
Doanh thu thuần (Net revenue)	33.500 – 35.500
Lợi nhuận sau thuế TNDN (NPAT - Pre MI)	7.300 – 7.800

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết):	697.925.845 phiếu
Phương thức biểu quyết:	Trực tiếp tại cuộc họp
Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	697.925.845 phiếu
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu
Tổng số phiếu tán thành:	697.918.985 phiếu, tương ứng 99,99902% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành:	6.800 phiếu, tương ứng 0,00097% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến:	60 phiếu, tương ứng 0,00001% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Điều 5. Thông qua phương án chia cổ tức năm 2024 của Công ty như sau:

- Chia cổ tức năm 2024: với tổng số tiền 6.884.059.014.500 VNĐ (đã thực hiện chi trả trong năm 2024), tương ứng với tỉ lệ 95%/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 9.500 VNĐ) vào thời điểm chi trả.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết):	697.925.845 phiếu
Phương thức biểu quyết:	Trực tiếp tại cuộc họp
Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	697.925.845 phiếu
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu
Tổng số phiếu tán thành:	697.925.845 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành:	0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến:	0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Điều 6. Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2025 từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty, với mức tạm ứng cổ tức tối đa là 60% (tức 1 cổ phiếu được nhận mức tạm ứng cổ tức năm 2025 tối đa là 6.000 đồng). Phê duyệt việc ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và đảm bảo tối ưu hóa dòng tiền, được toàn quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc tạm ứng cổ tức năm 2025, bao gồm việc có hoặc không có thực hiện tạm ứng cổ tức, mức tạm ứng cổ tức, số đợt chi trả, thời gian, phương thức chi trả và các vấn đề khác liên quan đến tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết):	697.925.845 phiếu
Phương thức biểu quyết:	Trực tiếp tại cuộc họp
Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	697.925.845 phiếu
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu
Tổng số phiếu tán thành:	697.925.845 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành:	0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền

Tổng số phiếu không có ý kiến:

biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền
biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Điều 7. Thông qua việc chọn một trong các công ty kiểm toán dưới đây là đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025 của Công ty và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, và cho phép Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc lựa chọn, ký kết và thực hiện hợp đồng kiểm toán với một trong các công ty đó:

- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam); và
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết):	697.925.845 phiếu
Phương thức biểu quyết:	Trực tiếp tại cuộc họp
Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	697.925.845 phiếu
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu
Tổng số phiếu tán thành:	697.925.845 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành:	0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến:	0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Điều 8. Thông qua thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2025 là: 0 VNĐ và kế hoạch ngân sách cho chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, bao gồm cả các ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (nếu có), trong năm 2025 là không quá 2 tỷ VNĐ.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết):	697.925.845 phiếu
Phương thức biểu quyết:	Trực tiếp tại cuộc họp
Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	697.925.845 phiếu
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu
Tổng số phiếu tán thành:	697.925.845 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành:	0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến:	0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Điều 9. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) của Công ty như sau:

1. Phương án phát hành:

- Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu cho nhân viên của Công ty và các công ty con trong Công ty theo chương trình lựa chọn cho người lao động nhằm ghi nhận đóng góp của người lao động cho Công ty, các công ty con trong năm qua, tạo động lực để người

lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và gắn bó lâu dài với Công ty và các công ty con.

- Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành: số tiền thu được từ việc phát hành sẽ được sử dụng để tăng vốn điều lệ, phục vụ cho nhu cầu hoạt động kinh doanh thông qua việc bổ sung vốn lưu động của Công ty.
 - Loại cổ phần phát hành: cổ phần phổ thông.
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Thời điểm phát hành dự kiến: trong năm 2025 hoặc 4 tháng đầu năm 2026.
 - Phương thức phát hành: phát hành cổ phần mới trực tiếp cho người lao động
 - Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: tối đa 0,5% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Đối tượng phát hành: là nhân viên của Công ty và các công ty con có thành tích nổi bật, đóng góp đặc biệt vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, các Công ty con, đem lại giá trị tăng trưởng về mặt dài hạn cho Công ty và các Công ty con.
 - Tiêu chuẩn người lao động được tham gia Chương trình lựa chọn cho người lao động:
 - ✓ Số lượng cổ phiếu Chương trình ESOP được phân phối cho từng người lao động dựa trên các tiêu chuẩn sau:
 - Kết quả đóng góp cho sự phát triển của Công ty và các công ty con;
 - Trách nhiệm được giao và khối lượng công việc phụ trách;
 - Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban và cá nhân;
 - Chức vụ;
 - Mức lương; và
 - Ngạch bậc.
 - ✓ Hội đồng Quản trị căn cứ theo các tiêu chuẩn nêu trên để quyết định chi tiết tiêu chí đánh giá, nguyên tắc xác định số cổ phần phân phối cho từng người lao động và danh sách người lao động tham gia Chương trình ESOP.
 - Phương án xử lý số cổ phiếu không phân phối hết: trong trường hợp người lao động không thực hiện quyền mua hoặc không mua hết số lượng cổ phần được quyền mua, giao cho Hội đồng Quản trị quyết định phát hành số cổ phần chưa được mua này cho người lao động khác trong danh sách ban đầu với cùng mức giá phát hành và/hoặc ghi nhận số lượng mua thực tế và kết thúc đợt phát hành.
 - Hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
2. Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế được phát hành thêm.
3. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ về mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế được phát hành.

4. Thông qua việc đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung cho số lượng cổ phần thực tế được phát hành với Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán.
5. Giao Hội đồng Quản trị:
 - ban hành quy chế phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
 - quyết định phương thức phát hành; tổng số lượng cổ phần phát hành phù hợp phương án phát hành và quy định của pháp luật; danh sách người lao động được tham gia chương trình; nguyên tắc xác định và số lượng cổ phiếu phát hành cho từng người lao động và thời gian thực hiện;
 - thực hiện các công việc và thủ tục cần thiết để phong tỏa tạm thời tỷ lệ sở hữu nước ngoài hoặc thực hiện các phương án khác trước khi phát hành cổ phần cho người lao động trong trường hợp phát hành cổ phiếu cho người lao động là nhà đầu tư nước ngoài để đảm bảo việc phát hành cổ phần này đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty (nếu có);
 - thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký tăng vốn điều lệ tại Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký lưu ký bổ sung số cổ phần thực tế phát hành tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phần thực tế phát hành được tại Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - quyết định phương án xử lý số cổ phần không phân phối hết;
 - bổ sung hoặc sửa đổi phương án phát hành theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan; và
 - quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà Hội đồng Quản trị thấy là cần thiết liên quan đến việc phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
 - Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết):	697.925.845 phiếu
Phương thức biểu quyết:	Trực tiếp tại cuộc họp
Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	697.925.845 phiếu
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu
Tổng số phiếu tán thành:	697.925.585 phiếu, tương ứng 99,99996% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành:	0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến:	260 phiếu, tương ứng 0,00004% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Điều 10. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty:

1. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ của Công ty phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Bản Điều lệ mới này thay thế bản Điều lệ ngày 01/04/2021 và các bản điều chỉnh Điều lệ kèm theo.

2. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ của Công ty phân quy định về vốn điều lệ và tổng số cổ phần trên cơ sở số lượng cổ phần phổ thông thực tế được phát hành do thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ bằng cách phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).
3. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị của Công ty (và phê duyệt việc Hội đồng Quản trị ủy quyền lại cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị) chấp bút thông qua bản Điều lệ sửa đổi, đồng thời ghi vào Điều lệ số vốn điều lệ và tổng số cổ phần cụ thể căn cứ trên thực tế thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ bằng cách phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết):	697.925.845 phiếu
Phương thức biểu quyết:	Trực tiếp tại cuộc họp
Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	697.925.845 phiếu
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu
Tổng số phiếu tán thành:	697.885.957 phiếu, tương ứng 99,99428% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành:	0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến:	39.888 phiếu, tương ứng 0,00572% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Điều 11. Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty:

1. Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (“**Quy Chế Quản Trị**”) phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Bản Quy Chế Quản Trị mới này thay thế Quy chế nội bộ về quản trị công ty ngày 01/4/2021 của Công ty.
2. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chấp bút thông qua bản Quy Chế Quản Trị sửa đổi.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết):	697.925.845 phiếu
Phương thức biểu quyết:	Trực tiếp tại cuộc họp
Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	697.925.845 phiếu
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu
Tổng số phiếu tán thành:	697.885.957 phiếu, tương ứng 99,99428% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành:	0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến:	39.888 phiếu, tương ứng 0,00572% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Đại hội kết thúc vào lúc 12 giờ 55 phút cùng ngày.

Biên bản đã được cổ đông và người được cổ đông ủy quyền dự họp đọc và được Đại hội biểu quyết thông qua.

THƯ KÝ



ĐỖ THỊ HOÀNG YẾN

CHỦ TỌA



DANNY LE





CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1,

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 62 555 660

Fax: (84-28) 38 109 463

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính gửi các cổ đông,

Hội đồng Quản trị (“**HDQT**”) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“**Công ty**” hoặc “**Masan Consumer**”) về các hoạt động của HDQT trong năm 2024. như sau:

I. KHÁI QUÁT

Năm 2024, kinh tế thế giới trải qua nhiều biến động và thách thức do xung đột kéo dài và leo thang trên phạm vi toàn cầu, gây tác động lớn đến quan hệ quốc tế và kinh tế toàn cầu. Tại nhiều quốc gia, quá trình phục hồi diễn ra chậm và không đồng đều, lạm phát đã hạ nhiệt so với năm 2023 nhưng vẫn cao hơn mục tiêu đã đề ra. Căng thẳng thương mại giữa các cường quốc như Mỹ và Trung Quốc, Nga và phương Tây tiếp tục gây ảnh hưởng tiêu cực lên sự tăng trưởng khiến nền kinh tế mặc dù không rơi vào suy thoái, tăng trưởng kinh tế toàn cầu vẫn ở mức thấp hơn tiềm năng.

Theo Tổng cục thống kê, mặc dù nền kinh tế toàn cầu còn gặp nhiều khó khăn, nền kinh tế Việt Nam năm 2024 đã gặt hái nhiều thành tựu quan trọng, góp phần củng cố vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Tăng trưởng GDP năm 2024 đạt 7,09% so với năm 2023, vượt mục tiêu 6-6,5% được đề ra trước đó. Đây là mức tăng trưởng cao, chỉ thấp hơn tốc độ tăng trưởng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024, và là mức tăng trưởng ấn tượng khi so sánh với các nước khác trên thế giới. Tăng trưởng GDP của Việt Nam tốt lên theo từng quý (quý I: 5,66%, quý II: 6,93%, quý III: 7,40%, quý IV: 7,55%). Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 11,35%, nhập khẩu tăng 13,49%. Vốn FDI thực hiện tại Việt Nam năm 2024 đạt 25,35 tỷ USD, cho thấy sự hấp dẫn của môi trường đầu tư tại Việt Nam. Tỷ lệ thất nghiệp và lạm phát được kiểm soát tốt. Năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước tính đạt mức 6.391 nghìn tỷ đồng, tăng 9,0% so với năm trước (năm 2023 tăng 9,4%), nếu loại trừ yếu tố giá mức tăng trưởng thực tế của năm 2024 là 5,9% (so với mức tăng trưởng 6,8% của năm 2023).

Triển vọng kinh tế của Việt Nam được dự đoán với sự lạc quan, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng GDP thực tế sẽ đạt 5,8% vào năm 2025. Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP danh nghĩa vào năm 2025 là 8,0% ở kịch bản cơ sở, tạo nền tảng cho tăng trưởng GDP hai chữ số từ năm 2026 trở về sau. Khi đạt được kết quả này, GDP và GDP bình quân đầu người của Việt Nam sẽ đạt mốc lần lượt là 500 tỷ USD và 5.000 USD trên đầu người, đánh dấu bước ngoặt quan trọng của nhiều ngành, trong đó có các ngành tiêu dùng và bán lẻ. Với sự gia tăng của GDP bình quân đầu người tại Việt Nam từ 3.439 USD vào năm 2019 lên 4.623 USD vào năm 2024, người tiêu dùng Việt Nam đã dần nâng cao nhu cầu tiêu dùng và lựa chọn những sản phẩm chất lượng cao hơn. Chi tiêu cho các sản phẩm FMCG (hàng tiêu dùng nhanh) bình quân đầu người tại Việt Nam cũng tăng từ 305 USD vào năm 2019 lên 369 USD vào năm 2024.

Một số yếu tố hỗ trợ cho đà phát triển tích cực này gồm có:

- **Mở rộng đầu tư công nghiệp và cơ sở hạ tầng:** Chính phủ đặt mục tiêu thu hút thêm FDI vào bất động sản công nghiệp, tập trung vào các trung tâm phát triển mới như Bà Rịa-Vũng Tàu, Tây Ninh và Bình Phước.
- **Cải cách pháp lý:** Các luật sửa đổi về Đất đai, Nhà ở và Kinh doanh Bất động sản được thực hiện từ tháng 8 năm 2024 dự kiến sẽ tăng cường lòng tin của nhà đầu tư và cải thiện tính minh bạch trong kinh doanh.
- **Tăng tốc đầu tư công:** Các kế hoạch đầu tư của Chính phủ sẽ tăng gấp đôi lên 58,7 tỷ USD vào năm 2025, tập trung vào nâng cấp cơ sở hạ tầng và các biện pháp kích thích kinh tế.

Việt Nam vẫn là một trong những nền kinh tế năng động nhất Đông Nam Á, với nền tảng vững chắc, môi trường đầu tư ổn định và các sáng kiến hỗ trợ từ Chính phủ đang tạo động lực cho sự tăng trưởng kinh tế bền vững trong những năm tới.

Trong năm 2024, Masan Consumer ghi nhận doanh thu thuần đạt 30.897 tỷ đồng, tăng trưởng 9,4% so với năm 2023 (không bao gồm ngành Thịt Chế Biến do ngành Thịt Chế Biến đã không còn được kiểm soát bởi Masan Consumer). Trong đó mảng xuất khẩu doanh thu thuần tăng trưởng ấn tượng ở mức 22,4% so với cùng kỳ, Ngành Đồ uống đóng chai và thức uống dinh dưỡng (thị trường nội địa) tăng trưởng 14,7%. Đóng góp chủ lực vào cơ cấu doanh thu thuần là hai ngành hàng Gia vị (chiếm tỷ trọng 36%) và Thực phẩm tiện lợi (chiếm tỷ trọng 30%).

Tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2024 đạt 46,6%, tăng trưởng 1,5% so với tỉ suất lợi nhuận gộp năm 2023 nhờ tối ưu hóa qui trình sản xuất và kiểm soát tốt chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho Cổ đông Công ty năm 2024 đạt 7.803 tỷ đồng, tăng trưởng 10,1% so với năm 2023 nhờ tăng trưởng doanh số, xây dựng các nhãn hàng vững mạnh và quản lý tài chính hiệu quả.

Năm 2025, Masan Consumer kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hai con số nhờ tiếp tục chiến lược cao cấp hóa các ngành hàng chính và mở rộng mảng kinh doanh ngành hàng hóa mỹ phẩm, chăm sóc cá nhân và gia đình. Dự báo tăng trưởng năm 2025 của Masan Consumer sẽ được chia sẻ chi tiết hơn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Môi trường kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của chúng tôi chủ yếu tại Việt Nam, do đó hiệu quả và chất lượng tài sản của chúng tôi phụ thuộc lớn vào sự ổn định của nền kinh tế Việt Nam. Bên cạnh môi trường kinh tế trong nước, các yếu tố bên ngoài như xu hướng tăng trưởng của các nền kinh tế trong khu vực châu Á và toàn cầu cũng có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Masan.

Trong năm 2025, Masan dự đoán giá nguyên liệu đầu vào chính sẽ tăng cao. Do các nhà cung cấp đóng vai trò quan trọng trong việc xác định chi phí đầu vào của sản phẩm, biên lợi nhuận trong một số ngành hàng kinh doanh của Masan có thể bị tác động tiêu cực. Ngoài ra, các yếu tố kinh tế như lạm phát, lãi suất ngân hàng, và tỷ giá hối đoái biến động cũng sẽ tác động đến chi phí vốn và ảnh hưởng đến chiến lược mở rộng phát triển kinh doanh của chúng tôi.

Thị trường hàng tiêu dùng tại Việt Nam: Xu hướng và Cơ hội mới

Thị trường hàng tiêu dùng nhanh (“FMCG”) của Việt Nam đang có sự tăng trưởng mạnh mẽ, nhờ vào sự phát triển kinh tế vững chắc, thu nhập khả dụng ngày càng tăng và sự thay đổi trong hành vi tiêu dùng. Theo báo cáo của Frost & Sullivan, thị trường sẽ đạt 58,4 tỷ USD vào năm 2029, tăng trưởng với tỷ lệ CAGR 9,7% từ năm 2024. Thị trường tăng trưởng giá trị cùng với quá trình đô thị hóa, sự gia tăng của tầng lớp trung lưu và sự thay đổi trong mô hình bán lẻ, đặc biệt là sự gia tăng thâm nhập của các hình thức bán lẻ hiện đại như siêu thị, trung tâm mua sắm và cửa hàng tiện lợi.

Từ những thay đổi trong nhu cầu và thói quen tiêu dùng những năm gần đây, có thể thấy rõ rằng một số xu hướng tiêu dùng đang trở thành động lực chính, tạo nên sức ảnh hưởng mạnh mẽ đối với thị trường hàng tiêu dùng tại Việt Nam trong năm 2025.

1. Trải Nghiệm Sản Phẩm & Dịch Vụ Cao Cấp Tại Nhà

Người tiêu dùng ngày càng cho thấy sự ưu tiên về chất lượng khi 78% người tiêu dùng trong nhóm được khảo sát cho biết họ sẵn sàng chi trả thêm cho sản phẩm chất lượng cao. Đặc biệt, 64% người tiêu dùng mong muốn có được trải nghiệm tương tự như tại các nhà hàng hay khách sạn. Trong số đó, 60% người tiêu dùng cho rằng “yếu tố trải nghiệm được chứng thực” đóng vai trò then chốt trong quyết định mua các sản phẩm sức khỏe và làm đẹp. Đây là cơ hội lớn cho các doanh nghiệp đầu tư vào phân khúc sản phẩm cao cấp. Tuy nhiên thách thức lớn nằm ở việc truyền tải rõ nét giá trị gia tăng, xây dựng uy tín và mang đến trải nghiệm thực sự cho khách hàng.

2. Đa Dạng Hóa Sản Phẩm Theo Nhóm Tuổi

Cơ cấu dân số Việt Nam đang thay đổi nhanh chóng với sự gia tăng tỷ lệ người cao tuổi và giảm tỷ lệ dân số trẻ. Đặc biệt, 84% khách hàng trung niên trong nhóm được khảo sát sẵn sàng chi tiêu nhiều hơn cho sở thích cá nhân. Nhóm khách hàng này ngày càng quan tâm đến các yếu tố sức khỏe và chế độ dinh dưỡng như kiểm soát lượng calories, đường, chất béo và muối. Do đó, các doanh nghiệp có cơ hội lớn khi phát triển các sản phẩm hướng đến nhu cầu này nhằm khai thác tiềm năng từ phân khúc người tiêu dùng cao tuổi.

3. Xu Hướng Tiêu Thụ Nguồn Dinh Dưỡng Từ Thực Vật & Hải Sản

Theo một báo cáo gần đây, có đến 20% người tiêu dùng dự định giảm tiêu thụ thịt đỏ, trong khi 31% đang chuyển sang các sản phẩm thịt có nguồn gốc từ thực vật. Đồng thời, 42% người tiêu dùng cũng có xu hướng tăng cường tiêu thụ hải sản. Xu hướng dịch chuyển này tạo ra cơ hội lớn cho các sản phẩm bổ trợ như gia vị đi chế biến hải sản, lẩu hải sản, đồ uống đi kèm với món hải sản. Đồng thời, các sản phẩm có nguồn gốc thực vật “plant-based”, thành phần từ đậu, khoai tây như mì hoặc các sản phẩm thay thế cũng đang thu hút sự quan tâm và có tiềm năng phát triển mạnh mẽ.

4. Tăng Trưởng Nhu Cầu Sản Phẩm Tiện Lợi

Với nhịp sống bận rộn, đặc biệt là trong nhóm khách hàng độc thân và gia đình nhỏ, 84% người tiêu dùng khẳng định tiện lợi là yếu tố quyết định khi lựa chọn sản phẩm. Các sản phẩm ăn liền bổ dưỡng, có thể dùng ngay với dạng bao bì nhỏ tiện cùng với xu hướng “on-the-go” (sử dụng tại chỗ), đang ngày càng chiếm ưu thế. Theo dự báo của B-Company JP, thị trường cửa hàng tiện lợi tại Việt Nam sẽ tăng trưởng mạnh mẽ, dự kiến đạt thêm 226,4 tỷ USD trong giai đoạn 2023-2028, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) đạt hơn 13%. Đây sẽ là kênh phân phối chủ đạo và dễ tiếp cận với phân khúc khách hàng trên.

5. Khám Phá Nguyên Liệu Địa Phương

Theo báo cáo “The Future of Food 2025” (Triển vọng ngành thực phẩm năm 2025) từ The Luxury Group by Marriott International, người tiêu dùng cao cấp ngày càng ưu tiên nguyên liệu và gia vị bản địa, đề cao giá trị văn hóa và đặc trưng lâu dài. Đến 78% người tiêu dùng cho biết họ lựa chọn các nhãn hiệu sử dụng nguyên liệu địa phương có giá trị văn hóa, lịch sử. Đây là cơ hội cho các doanh nghiệp khai thác sản phẩm mang tính bản địa, để không chỉ phục vụ khách hàng trong nước mà còn hướng tới việc mở rộng ra thị trường quốc tế.

Ngành hàng Gia vị

Thị trường gia vị của Việt Nam đang trải qua giai đoạn chuyển đổi nhanh chóng, với xu hướng cao cấp hóa và những thay đổi trong thói quen tiêu dùng đang tái định hình ngành hàng này. Vào năm 2024, theo báo cáo của Frost & Sullivan, thị trường được ước tính đạt giá trị 1,3 tỷ USD, với mức tăng trưởng mạnh mẽ CAGR 10,7% dự báo đến năm 2029. Nước mắm vẫn là sản phẩm chủ đạo, chiếm 44,9% doanh thu gia vị toàn thị trường, nhưng các loại gia vị khác như nước tương, dầu hào, và tương ớt đang ngày càng được ưa chuộng, nhờ vào nhu cầu của người tiêu dùng lựa chọn bữa ăn đa dạng và khẩu vị đậm đà hơn.

Xu hướng cao cấp hóa thể hiện rõ ràng khi người tiêu dùng chuyển hướng sang các loại gia vị chất lượng cao và tinh tế, đặc biệt là trong các loại gia vị như nước mắm và tương ớt. Các nhãn hiệu nước mắm truyền thống hiện nay đang cung cấp các sản phẩm có quá trình lên men lâu hơn và không có phụ gia, nhắm đến nhóm người tiêu dùng quan tâm đến sức khỏe và tầng lớp trung lưu. Trong khi đó, các loại tương ớt và gia vị cay đang nổi lên là những món yêu thích mới, đặc biệt là trong giới trẻ và các hộ gia đình ở đô thị. Sự thay đổi này được ảnh hưởng bởi quá trình du nhập các nền ẩm thực quốc tế và sở thích ngày càng tăng đối với các xu hướng thực phẩm có vị cay.

Xu hướng nấu ăn tiện lợi và gia vị gói phổ biến cũng là một yếu tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng. Các sản phẩm như nước gia vị tẩm ướp, gia vị gói và gia vị pha sẵn đang ngày càng được ưa chuộng khi người tiêu dùng tìm kiếm các giải pháp chuẩn bị bữa ăn nhanh chóng mà không làm giảm hương vị. Các nhãn hiệu Masan và các nhãn hiệu phổ biến khác đang mở rộng danh mục sản phẩm với các loại sốt xào cay, sốt chấm và gia vị kết hợp, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về sự đa dạng trong nấu ăn tại nhà.

Ngành hàng Gia vị tiếp tục giữ vai trò trụ cột trong năm 2024 với doanh thu thuần nội địa năm 2024 ghi nhận 11.195 tỷ đồng, tăng trưởng 7,2% so với năm 2023. Nhãn hiệu Nam Ngư không ngừng nâng cấp giá trị ngành hàng chủ lực với câu chuyện: Tiên phong nâng tầm các đặc sản Việt, mở ra ngành hàng mới gia vị trên nền nước mắm. Sản phẩm Nam Ngư ớt tỏi Lý Sơn đã mang lại sự mới mẻ, phù hợp với cuộc sống hiện đại, nắm bắt xu hướng giới trẻ GenZ - thế hệ mua sắm mới. Đồng thời ngành hàng nước mắm cũng không ngừng nâng cấp người tiêu dùng từ phân khúc bình dân lên phổ thông, tiếp tục xây dựng phân khúc nước mắm cao cấp với những chai thủy tinh ngon hảo hạng, sang trọng trong gian bếp.

Với chiến lược Vươn ra Thế giới – Đưa ẩm thực Việt nam ra bình diện toàn cầu (“Go Global” - Make Vietnamese Food Global Foods), CHIN-SU với sản phẩm chủ lực là tương ớt đang tiên phong trong hành trình đi ra thế giới. Tương ớt CHIN-SU được đón nhận tại các thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... Sản phẩm đạt top 8 trong tổng số 400 nhãn hiệu tương ớt trên sàn thương mại điện tử Amazon Mỹ. Năm 2025 Chin-Su sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn cho chiến lược “Go Global”, mở rộng sang các sản phẩm nước mắm và các sản phẩm gia vị khác từ Việt Nam để chinh phục các thị trường thế giới.

Bên cạnh đó, ngành hàng gia vị tiếp tục mở rộng với những ngành hàng mới như mayonnaise, bột gia vị, dầu hào, dầu ăn, muối ớt xanh, muối ớt đỏ, các loại gia vị tiện lợi..., hướng tới phân khúc khách hàng trẻ, định vị cao cấp và tốt cho sức khỏe.

Ngành hàng thực phẩm tiện lợi

Thị trường thực phẩm tiện lợi tại Việt Nam đang chứng kiến tăng trưởng nhanh chóng, nhờ vào thay đổi lối sống, gia tăng đô thị hóa và sự ưa chuộng ngày càng tăng đối với các sản phẩm tiện lợi và thay thế bữa ăn tại nhà. Theo báo cáo của Frost & Sullivan, thị trường đạt quy mô 2,6 tỷ USD trong năm 2024, dự báo sẽ tăng trưởng với CAGR 10,6% từ 2024 đến 2029, vượt trội hơn so với các phân khúc FMCG khác.

Xu hướng cao cấp hóa trong phân khúc này đặc biệt rõ ràng, khi người tiêu dùng chuyển hướng sang các lựa chọn thực phẩm lành mạnh, chất lượng cao và sáng tạo hơn. Phân khúc cao cấp, bao gồm mì ăn liền hữu cơ, bữa ăn chế biến sẵn giàu đạm, và thực phẩm thay thế bữa ăn ít tinh bột đã thu hút được sự chú ý đáng kể. Các nhãn hiệu dẫn đầu như Masan (Omachi, Kokomi), và các đối thủ khác đang nắm bắt xu hướng khi giới thiệu các dòng thực phẩm tiện lợi cao cấp với món ăn kèm thịt nguyên chất, nguyên liệu nhập khẩu và công thức không bột ngọt.

Phân khúc bữa ăn nấu sẵn tại nhà là một lĩnh vực tăng trưởng khác, với các món ăn đông lạnh lấy cảm hứng từ nhà hàng, lẩu tự sôi và cơm tự chín ngày càng trở nên phổ biến. Người tiêu dùng đang tìm kiếm các giải pháp bữa ăn nhanh chóng nhưng vẫn chất lượng cao, thúc đẩy các công ty đầu tư vào các sáng tạo công nghệ thực phẩm như bao bì hút chân không để tăng thời gian bảo quản, gói đồ ăn tươi được đóng gói hút chân không và chế độ dinh dưỡng được cá nhân hóa sử dụng thuật toán trí tuệ nhân tạo.

Trong tương lai, những tiến bộ công nghệ trong xử lý thực phẩm sẽ thúc đẩy làn sóng đổi mới tiếp theo. Việc áp dụng sấy khô bằng đông lạnh, tiệt trùng áp suất cao (HPP) và phát triển đậm từ thực vật sẽ đáp ứng những thay đổi trong sở thích ăn uống, đặc biệt là trong nhóm người tiêu dùng trẻ và quan tâm đến sức khỏe.

Năm 2024, ngành hàng Thực phẩm tiện lợi của Masan Consumer thành công khi tạo được tiếng vang trên thị trường và tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt ngành hàng với loạt sản phẩm mới như Omachi lẩu tự sôi, Omachi cơm tự chín, Omachi lẩu cầm tay phù hợp với phong cách năng động của giới trẻ và xu hướng du lịch khám phá. Nhãn hiệu Kokomi nâng cao tiêu chuẩn sản phẩm mì ăn liền phân khúc phổ thông bằng dòng sản phẩm mới Kokomi Pro “dai ngon, vàng sáng, không cần trứng”. Mặc dù phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường, Kokomi vẫn giành được thị phần nhờ các dòng sản phẩm cốt lõi.

Doanh thu thuần nội địa của ngành hàng Thực phẩm tiện lợi đạt 9.215 tỷ đồng, tăng trưởng 9,1% so với năm 2023. Lợi nhuận gộp đạt 41,5% mang lại tài chính khỏe mạnh cho ngành hàng nhờ tập trung tăng trưởng các dòng hàng cao cấp.

Ngành Đồ uống đóng chai và thức uống dinh dưỡng

Nước tăng lực

Thị trường nước tăng lực tại Việt Nam vẫn là một trong những phân khúc đồ uống phát triển nhanh nhất, dự báo sẽ đạt 2,6 tỷ USD vào năm 2029, tăng trưởng với CAGR 7,3%, theo báo cáo của Frost & Sullivan. Phân khúc này được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng tăng từ các đối tượng như nhân viên văn phòng, học sinh, sinh viên và người lao động thể chất tìm kiếm các nguồn năng lượng nhanh chóng. Các nhãn hiệu dẫn đầu chiếm ưu thế trên thị trường, với các hương vị địa phương, sản phẩm không đường, và công thức bổ sung vitamin trở thành xu hướng chủ đạo.

Cạnh tranh trong phân khúc này ngày càng gay gắt, với các nhãn hiệu mới tập trung vào các loại nước uống chức năng, lành mạnh, chứa nhân sâm, collagen, và phức hợp vitamin B. Sự phát triển của thương mại điện tử và mô hình bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng cũng đang thay đổi cách thức quảng bá và phân phối nước tăng lực.

Trà đóng chai

Thị trường trà đóng chai tại Việt Nam đang chứng kiến đà phục hồi tăng trưởng khi người tiêu dùng tìm kiếm các lựa chọn lành mạnh thay thế cho các loại nước ngọt có ga. Các nhãn hiệu đang dẫn đầu phân khúc với các sản phẩm trà ít đường, trà thảo mộc và trà đặc thù. Các loại trà xanh và ô-long là những đồ uống đóng chai được ưa chuộng, phù hợp với nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm chứa chất chống oxy hóa tự nhiên và có tính năng giải độc. Theo báo cáo của Frost & Sullivan, thị trường trà đóng chai đạt quy mô 2,2 tỷ USD vào năm 2024, và dự kiến CAGR 2024 – 2029 đạt 11,5%.

Nước đóng chai

Thị trường nước đóng chai đạt quy mô 625 triệu USD vào năm 2024, dự kiến CAGR 2024 – 2029 đạt 16,1%, là một thị trường có tăng trưởng cao, theo báo cáo của Frost & Sullivan. Thị trường nước đóng chai đang chứng kiến xu hướng cao cấp hóa rõ rệt, với nhu cầu tăng cao đối với nước khoáng tăng cường và nước bổ sung điện giải, nhãn hiệu. Các dòng nước kiềm và công thức tăng cường miễn dịch được ra mắt, thu hút người tiêu dùng quan tâm đến sức khỏe. Tính bền vững cũng là một yếu tố quan trọng, khi các công ty đầu tư vào bao bì có thể tái chế và công nghệ lọc nước.

Năm 2024, ngành hàng đồ uống đóng chai và thức uống dinh dưỡng của Masan Consumer đạt doanh thu thuần nội địa nội địa 5.271 tỷ đồng, tăng trưởng 14,7% so với năm 2023. Dòng sản phẩm trà Bupnon Tea 365 ghi nhận tăng trưởng ấn tượng, khẳng định sức hút với người tiêu dùng yêu thích sự tiện lợi, năng động. Với kế hoạch mở rộng danh mục sản phẩm trong năm 2025, tập trung phát triển những dòng sản phẩm mới để phục vụ tập khách hàng trẻ GenZ, Masan Consumer không chỉ củng cố vị thế mà còn hứa hẹn mang đến nhiều lựa chọn đa dạng hơn cho người tiêu dùng. Đây là một bước đi chiến lược để tận dụng cơ hội trong thị trường đồ uống đóng chai đầy cạnh tranh.

Ngành hàng cà phê

Cà phê là một phần không thể thiếu trong văn hoá Việt Nam. Việt Nam cũng là quốc gia lớn thứ 2 thế giới về sản xuất cà phê. Ngoài những loại cà phê truyền thống như cà phê pha phin, cà phê sữa đá hay cà phê trứng đã là những sản phẩm không thể thiếu, cà phê hòa tan ngày càng trở nên phổ biến như một lựa chọn thay thế cho người tiêu dùng muốn một trải nghiệm nhanh chóng, đặc biệt là người lao động trẻ bận rộn và học sinh, sinh viên. Thói quen uống cà phê như một hoạt động kết nối xã hội ngày càng phổ biến đang tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của thị trường này.

Các nhà sản xuất đang cải tiến sản phẩm để đáp ứng các thị hiếu và sở thích đa dạng của người tiêu dùng. Một loạt các sản phẩm cà phê hòa tan vị cappuccino, latte, mocha và cà phê caramel giúp cà phê hòa tan trở nên hấp dẫn hơn đối với nhiều đối tượng hơn, đặc biệt là giới trẻ. Các công ty cũng tập trung điều chỉnh hương vị theo vùng miền để phù hợp với các tệp người tiêu dùng khác nhau.

Khi nhận thức về sức khỏe của người tiêu dùng Việt Nam ngày càng tăng, nhu cầu cho các sản phẩm cà phê lành mạnh hơn, chẳng hạn như cà phê hòa tan không đường hoặc ít calo, đang gia tăng liên tục. Một số nhà sản xuất đang giới thiệu các sản phẩm cà phê hòa tan cao cấp, bổ sung các thành phần chức năng như vitamin, khoáng chất hoặc thảo dược vào sản phẩm, thu hút những người tiêu dùng quan tâm đến sức khỏe, ưa chuộng đồ uống hỗ trợ sức khỏe và bổ sung năng lượng.

Với thu nhập ngày càng tăng, người tiêu dùng sẵn sàng chi tiêu nhiều hơn cho các sản phẩm cao cấp như cà phê rang xay đặc sản hoặc cà phê pha tại chỗ. Cà phê đang dần chuyển từ một loại đồ uống đơn thuần sang một sản phẩm cao cấp, được thưởng thức như một phần của phong cách sống nâng tầm. Theo báo cáo của Frost & Sullivan, thị trường cà phê hòa tan đạt quy mô 584 triệu USD trong năm 2024 và kỳ vọng tăng trưởng hàng năm 6,7% đến 2029.

Năm 2024, ngành hàng Cà phê đạt doanh thu thuần nội địa 1.769 tỷ đồng, tăng trưởng 8,8% so với năm 2023. Ngành hàng cà phê đã ra mắt các dòng sản phẩm vượt trội như Vinacafe Special và Wake Up Mekong với bao bì đẹp mắt, hấp dẫn người tiêu dùng và nổi bật tại điểm bán, thơm ngon, đậm vị, đúng chuẩn cà phê sữa của người tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu của cả phân khúc cao cấp và bình dân. Nhãn hiệu Vinacafe thay đổi diện mạo mới trẻ trung hơn, được quảng cáo rầm rộ trên các phương tiện truyền thông đại chúng với sự góp mặt của những nhân vật nổi tiếng. Ngoài ra, các chiến dịch thúc đẩy phân phối bán lẻ và củng cố hình ảnh nhãn hiệu

tại điểm bán ở tất cả các kênh trọng điểm cũng đã góp phần quan trọng trong cho sự phát triển vượt bậc của ngành hàng cả phê trong năm 2024.

Trong thời gian tới, ngành hàng cà phê sẽ tiếp tục đẩy mạnh cải tiến và đổi mới đột phá trong danh mục sản phẩm và phát triển thị trường quốc tế theo chiến lược Go Global, tập trung vào nhãn hiệu Vinacafe và Wake-Up bằng các chiến dịch tiếp thị và bán hàng quy mô tầm cỡ.

Ngành Hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình

Theo báo cáo của Frost & Sullivan, thị trường sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình của Việt Nam đạt quy mô 2,7 tỷ USD vào năm 2024 và dự báo sẽ tăng trưởng với CAGR 6,9% từ 2024 đến 2029, với sản phẩm giá trị cao đóng vai trò quan trọng trong quyết định mua sắm của người tiêu dùng. Mặc dù xu hướng cao cấp hóa đang diễn ra ở các phân khúc ngách, phần lớn người tiêu dùng vẫn nhạy cảm với giá cả và tìm kiếm các giải pháp chất lượng cao, giá cả phải chăng cho các nhu cầu hàng ngày.

Các nhãn hiệu của công ty đa quốc gia và công ty trong nước như Masan (với sản phẩm nhãn hiệu Homey, Sopa, và Chanté) đang tập trung vào các gói lớn, bao bì có thể tái sử dụng và sản phẩm đa chức năng để tiết kiệm chi phí. Sự phổ biến của các nhãn hiệu riêng trong các chuỗi bán lẻ hiện đại đang làm gia tăng sự cạnh tranh, khi các siêu thị và nền tảng thương mại điện tử cung cấp các lựa chọn giá rẻ thay thế cho các nhãn hiệu nước ngoài.

Các sản phẩm chăm sóc gia đình thân thiện với môi trường và sử dụng nguyên liệu tự nhiên cũng đang thu hút sự chú ý, khi người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường. Các loại chất tẩy rửa hữu cơ, nước rửa bát chiết xuất từ thực vật, và bao bì có thể tái sử dụng dự báo sẽ được sử dụng rộng rãi hơn trong những năm tới.

Trong năm 2024 ngành hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình (Home & Personal Care) của Masan Consumer đóng góp 1.901 tỷ đồng vào doanh thu thuần nội địa, tăng trưởng 3,5% so với năm 2023 (bao gồm cả NETCO). Nhãn hàng Chanté tiếp tục là nhãn hàng dẫn đầu về ngành Giặt giũ (Detergent) trong WinCommerce, mở rộng sang nước rửa chén, nước lau sàn - sản phẩm trong top 3 của ngành hàng này. Chanté đã mở rộng hệ thống phân phối kênh siêu thị ngoài WinCommerce: như BigC, Coop, Emart... và thương mại điện tử (E-commerce). Bên cạnh đó, hệ thống kênh phân phối truyền thống là động lực cho sự tăng trưởng của ngành hàng, sản phẩm này nằm trong top 5 nhãn hàng nước giặt chỉ sau 3 tháng tung hàng. Năm 2025 ngành hàng sẽ tiếp tục thúc đẩy cho tăng trưởng doanh thu với việc phát triển nhãn hiệu NET ra toàn quốc, tiếp tục xây dựng phát triển Chanté, đồng thời xây dựng nhãn hiệu Santoso trong WinCommerce trước khi phân phối rộng rãi trên toàn quốc.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024

1. Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thực hiện:
 - Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty;
 - Quyết định việc cơ cấu lại mô hình kinh doanh và cơ cấu tổ chức của các công ty, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý; và
 - Quyết định các phương án và dự án đầu tư của Công ty và các công ty con.
2. Trong năm 2024, có hai nội dung nghị quyết đã được thông qua tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2024 nhưng chưa tiến hành thực hiện, cụ thể:

- (i) Thông qua việc niêm yết các trái phiếu phát hành ra công chúng (nếu có phát hành), nguyên nhân là do Công ty không có phát hành trái phiếu ra công chúng trong năm 2024.
- (ii) Phê duyệt việc Công ty TNHH The Sherpa (một công ty thành viên thuộc Tập đoàn Masan) mua thêm tối đa 5% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty mà không phải thực hiện chào mua công khai, nguyên nhân là do Công ty TNHH The Sherpa không thực hiện việc mua thêm cổ phiếu của Công ty trong năm 2024.

Ngoài ra, phần nội dung Nghị quyết về việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh đã được triển khai thực hiện trong năm 2024 và đang được Công ty tiếp tục thực hiện trong năm 2025.

3. Giao dịch giữa Công ty và các thành viên Hội đồng Quản trị phát sinh trong năm 2024:

Trong năm 2024, không có phát sinh giao dịch giữa Công ty và các thành viên Hội đồng Quản trị.

4. Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị hoạt động không có thù lao.

III. TRIỂN VỌNG 2025

1. Tầm Nhìn 2025

Chúng tôi muốn trở thành:

- Công ty hàng tiêu dùng dẫn đầu Việt Nam xét về doanh thu, lợi nhuận, vốn hóa và sự nhận biết thương hiệu (Masan Consumer là công ty của các nhãn hiệu mạnh ở trong nước và trên thế giới);
- Đáp ứng nhu cầu hàng ngày của 100 triệu người tiêu dùng Việt Nam;
- Đưa ẩm thực Việt nam ra bình diện toàn cầu (Go Global - Make Vietnames Foods Global Foods)
- Điểm thu hút các nhân tài hàng đầu, và được công nhận là môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam; và là biểu tượng của chất lượng và niềm tự hào của người Việt.

2. Mục Tiêu 2025

Công ty đặt mục tiêu đạt tăng trưởng doanh thu từ 8% đến 15% trong năm 2025, với mức doanh thu đạt từ 33.500 tỷ đồng đến 35.500 tỷ đồng qua những nỗ lực:

- Thực hiện các chiến lược tăng trưởng chủ chốt và phát triển chuỗi cung ứng kỹ thuật số “Retail Supreme”. Sáng kiến này nhằm số hóa các hoạt động kênh truyền thống, lập kế hoạch cung ứng và nhu cầu, sản xuất và phân phối, cải thiện lập kế hoạch chuỗi cung ứng, năng suất nhân viên bán hàng và hiệu quả hoạt động marketing.
- Cao cấp hóa trong ngành hàng Gia vị & Thực phẩm tiện lợi: Cùng cố vị thế dẫn đầu thị trường trong phân khúc cao cấp bằng cách mở rộng thị trường mĩ ăn liền vào các bữa ăn sẵn như món ăn sẵn (“Lẩu Tự Sôi”, “Com Tự Chín”) và lẩu cầm tay (“Lẩu Cầm Tay”). Những cải tiến này trong ngành thực phẩm tiện lợi nhằm nắm bắt xu hướng tiêu thụ bên ngoài gia đình.
- Ra mắt các sản phẩm trong ngành hàng Đồ uống & Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình: Mở rộng danh mục sản phẩm Wake-up 247 và giành thị phần trong phân

khúc trà đóng chai với các sản phẩm cải tiến BupNon Tea365; tối ưu hóa danh mục để tập trung vào các cải tiến nhãn hiệu Chanté và Net đồng thời gia nhập thị trường sản phẩm chăm sóc cá nhân.

- “Go Global”: Đạt tăng trưởng cao nhờ tập trung vào các thị trường chính như Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản và EU với các sản phẩm gia vị, thực phẩm tiện lợi và cà phê hòa tan

Trân trọng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DANNY LE

PHỤ LỤC
CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chính
1.	01/2024/NQ-HĐQT-MSC	23/01/2024	Thông qua việc tăng vốn điều lệ Công ty do phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty
2.	02/2024/NQ-HĐQT-MSC	26/02/2024	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.
3.	03/2024/NQ-HĐQT-MSC	18/03/2024	Thông qua dự án đầu tư tài sản cố định của các công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan.
4.	04/2024/NQ-HĐQT-MSC	18/03/2024	Thông qua dự án đầu tư tài sản cố định của công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage.
5.	05/2024/NQ-HĐQT-MSC	04/04/2024	Thông qua giao dịch với các bên liên quan.
6.	06/2024/NQ-HĐQT-MSC	04/04/2024	Thông qua các giao dịch đầu tư.
7.	07/2023/NQ-HĐQT-MSC	04/04/2024	Thông qua các vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.
8.	08/2024/NQ-HĐQT-MSC	18/04/2024	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
9.	09/2024/NQ-HĐQT-MSC	25/04/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029. - Thông qua việc bổ nhiệm các thành viên Ủy ban kiểm toán của Công ty.
10.	10/2024/NQ-HĐQT-MSC	03/06/2024	Thông qua dự án đầu tư tài sản cố định của công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan.
11.	11/2024/NQ-HĐQT-MSC	21/06/2024	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để: <ul style="list-style-type: none"> - Chi trả cổ tức năm 2023 còn lại bằng tiền; - Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
12.	12/2024/NQ-HĐQT-MSC	10/07/2024	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).
13.	13/2024/NQ-HĐQT-MSC	10/07/2024	Thông qua Quy chế và Danh sách Người lao động được tham gia chương trình ESOP.
14.	14/2024/NQ-HĐQT-MSC	29/07/2024	Thông qua khoản vay hợp vốn dài hạn của Công ty.
15.	15/2024/NQ-HĐQT-MSC	05/08/2024	Thông qua dự án đầu tư tài sản cố định của công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan.
16.	16/2024/NQ-HĐQT-MSC	16/08/2024	Thông qua dự án đầu tư tài sản cố định của công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan.
17.	17/2024/NQ-HĐQT-MSC	23/08/2024	Thông qua việc tạm ứng lợi nhuận của các công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan và của Công ty TNHH Một thành viên Thực

			phẩm Masan.
18.	18/2024/NQ-HĐQT-MSC	29/08/2024	Thông qua việc thành lập Ban kiểm toán nội bộ của Công ty.
19.	19/2024/NQ-HĐQT-MSC	10/09/2024	Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty do phát hành ESOP.
20.	20/2024/NQ-HĐQT-MSC	13/09/2024	Thông qua hạn mức tín dụng ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng.
21.	21/2024/NQ-HĐQT-MSC	13/09/2024	Thông qua hạn mức tín dụng ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng.
22.	22/2024/NQ-HĐQT-MSC	16/09/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; - Phê duyệt việc chi trả cổ tức năm 2023 (bổ sung) bằng tiền.
23.	23/2024/NQ-HĐQT-MSC	26/09/2024	Phê duyệt việc ký kết hợp đồng thuê văn phòng với Công ty TNHH Zenith Investment.
24.	24/2024/NQ-HĐQT-MSC	02/10/2024	Phê duyệt việc triển khai chuyển giao dịch cổ phiếu của Công ty sang HOSE.
25.	25/2024/NQ-HĐQT-MSC	07/10/2024	Phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan.
26.	26/2024/NQ-HĐQT-MSC	30/10/2024	Thông qua dự án đầu tư tài sản cố định của các công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan.
27.	27/2024/NQ-HĐQT-MSC	13/11/2024	Phê duyệt việc tăng hạn mức tín dụng ngắn hạn của công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan tại Ngân hàng.
28.	28/2024/NQ-HĐQT-MSC	26/11/2024	Phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan và của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan.
29.	29/2024/NQ-HĐQT-MSC	29/11/2024	Thông qua việc tạm ứng lợi nhuận của các công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan và của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan.
30.	30/2024/NQ-HĐQT-MSC	10/12/2024	Thông qua mức tạm ứng lợi nhuận năm 2024 của Công ty.
31.	31/2024/NQ-HĐQT-MSC	30/12/2024	Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 của các công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan và của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan.



CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84-28) 62 555 660 Fax: (84-28) 38 109 463

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính thưa Quý vị Cổ đông,

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Vai trò, thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban Kiểm toán (UBKT) quy định tại Điều lệ của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("**Công ty**");
- Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty;
- Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán của Công ty; và
- Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán KPMG.

Thay mặt Ủy ban kiểm toán Công ty, tôi xin gửi tới Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2024

1. Về cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức UBKT trong năm 2024 bao gồm:

Họ và Tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên HĐQT độc lập	Chủ tịch UBKT
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên HĐQT không điều hành	Thành viên UBKT

2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán:

Năm 2024, thành viên của Ủy ban kiểm toán hoạt động không thù lao, chi phí và không có các lợi ích liên quan khác.

3. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán:

Các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán:

Stt	Thành viên UBKT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp và biểu quyết	Các kết luận, kiến nghị
1	Bà Nguyễn Thu Hiền	2/2	100%	- Cuộc họp ngày 03/4/2024: Họp thảo luận và thống nhất về mục tiêu và các kế hoạch hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2024. - Cuộc họp ngày 31/12/2024: Họp đánh giá tình hình thực hiện Nghị Quyết của HĐQT trong năm 2024; Đánh giá và cho ý kiến về giao dịch các bên có liên quan; Thảo luận kế hoạch làm việc trọng tâm Quý 1/2025.
2	Ông Nguyễn Thiều Quang	2/2	100%	

4. Kết quả giám sát đối với việc lập báo cáo tài chính, dịch vụ kiểm toán độc lập, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty:

4.1. Kết quả giám sát đối với việc lập báo cáo tài chính

UBKT đã giám sát công tác thuyết minh BCTC quý, 6 tháng, năm 2024 trước khi Ban điều hành trình HĐQT, ĐHĐCĐ hoặc công bố ra bên ngoài theo quy định của Pháp luật. Kết quả giám sát cho thấy:

- Các BCTC quý, bán niên và năm 2024 được lập và công bố phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán, các quy định của Pháp luật hiện hành;
- Công tác kế toán như ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, phản ánh tình hình tài chính của Công ty ổn định, trung thực.
- Công ty kiểm toán (KPMG) được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ thời hạn kiểm toán, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.
- Công ty đã lập và công bố Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng quy mô lớn. Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán KPMG theo đúng quy định hiện hành.

4.2. Kết quả giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập

- Trong năm 2024, Đơn vị kiểm toán độc lập đã thực hiện các cuộc kiểm toán báo cáo bán niên và báo cáo năm cho Công ty. Phạm vi, nội dung, phương pháp, thời gian kiểm toán đã được đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện theo đúng thoả thuận hợp đồng;



- UBKT đã trao đổi để làm rõ thêm các thông tin liên quan đến BCTC trước khi đơn vị kiểm toán phát hành Báo cáo kiểm toán;
- UBKT đánh giá cao về tính độc lập cũng như chất lượng của cuộc kiểm toán tại Công ty.

4.3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty:

Một số chỉ tiêu chính đạt được trong năm 2024 (trên cơ sở hợp nhất) được thể hiện như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Tăng/(giảm)	%
	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	
Doanh thu thuần	30.897	28.241	2.656	9,4%
Giá vốn hàng bán	16.493	15.267	1.226	8,0%
Lợi nhuận gộp	14.404	12.974	1.430	11,0%
Chi phí bán hàng	5.904	5.328	576	10,8%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	976	926	50	5,4%
Lợi nhuận tài chính	1.488	1.374	114	8,3%
Lợi nhuận sau thuế TNDN (NPAT - Pre MI)	7.921	7.194	727	10,1%
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho Cổ đông Công ty (NPAT - Post MI)	7.803	7.085	718	10,1%

EPS	Năm 2024	Năm 2023	Tăng/(giảm)	%
	(VNĐ/cổ phiếu)	(VNĐ/cổ phiếu)	(VNĐ/cổ phiếu)	
	10.841	9.888	953	9,6%

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2024 (mức thấp)	So với kế hoạch	%
	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	
Doanh thu thuần	30.897	31.500	(603)	-1,9%
Lợi nhuận sau thuế TNDN (NPAT – Pre MI)	7.921	7.300	621	8,5%

5. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty:

- Công ty đã ban hành và thực hiện nghiêm túc các quy trình kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro theo đúng các qui định của pháp luật và thông lệ quốc tế.
- Tháng 8/2024, Công ty đã thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ (KTNB) nhằm tăng cường việc kiểm soát việc tuân thủ quy định pháp luật, kiểm soát rủi ro.
- Bộ phận KTNB được thành lập trước đó tại hai đơn vị niêm yết là các công ty thành viên của Công ty, gồm Công ty cổ phần Bột giặt NET và Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa cũng đã thực hiện các công việc đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ tại hai đơn vị này, tuân thủ pháp luật liên quan.

6. Báo cáo đánh giá về các giao dịch liên quan:

- Giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những Người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch đều được UBKT giám sát. UBKT cũng đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông.

7. Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty:

Qua công tác giám sát của UBKT đối với hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong năm tài chính 2024, UBKT ghi nhận các kết quả sau:

- Các hoạt động của Công ty phù hợp với nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, chế độ quản lý của Nhà nước về kế toán tài chính và thuế;
- Các nội dung trong Nghị Quyết ĐHĐCĐ Thường niên năm 2024 đã được HĐQT và Ban điều hành triển khai thực hiện đầy đủ, trừ phần nội dung Nghị quyết về việc:
 - Thông qua việc niêm yết các trái phiếu phát hành ra công chúng (nếu có phát hành), nguyên nhân là do Công ty không có phát hành trái phiếu ra công chúng trong năm 2024.
 - Phê duyệt việc Công ty TNHH The Sherpa (một công ty thành viên thuộc Tập đoàn Masan) mua thêm tối đa 5% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty mà không phải thực hiện chào mua công khai, nguyên nhân là do Công ty TNHH The Sherpa không thực hiện việc mua thêm cổ phiếu của Công ty trong năm 2024.
- Ngoài ra, phần nội dung Nghị quyết về việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh đã được triển khai thực hiện trong năm 2024 và đang được HĐQT và Ban Điều hành Công ty tiếp tục thực hiện trong năm 2025.

7.1. Đối với Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã đưa ra những định hướng phát triển sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển trung – dài hạn phù hợp, triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.
- Các phiên họp của HĐQT được tổ chức, trao đổi thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung phù hợp với quy định Pháp luật và đúng thẩm quyền của HĐQT. Các nội dung được biểu quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được tiến hành các thủ tục theo đúng quy định.
- Các thành viên HĐQT thực hiện đúng vai trò trách nhiệm, tham dự đầy đủ các buổi họp và các ý kiến biểu quyết góp phần xây dựng và phát triển hoạt động và định hướng phát triển của Công ty.

7.2. Đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành:

- Ban điều hành thường xuyên tổ chức họp thảo luận tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và trên cơ sở chỉ đạo kịp thời của Hội đồng Quản trị đã quyết định các phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp với thực tiễn tình hình kinh tế thế giới và trong nước.

- Trong hoạt động quản lý điều hành không ghi nhận từ các cơ quan quản lý, cơ quan chức năng về sự vi phạm hay sai sót trọng yếu.

8. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông.

Trong quá trình hoạt động, Ủy ban Kiểm toán đã phối hợp tốt với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông. Ủy ban Kiểm toán không bị can thiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ, được tạo điều kiện tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán. Mọi vấn đề phát sinh đều được thảo luận và giải quyết kịp thời.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2025

Nhằm thực hiện mục tiêu hoạt động, UBKT đề ra kế hoạch công tác trong năm 2025 trọng tâm như sau:

- Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT, điều hành, quản lý của Ban điều hành; kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, tính minh bạch, cần trọng trong quản lý điều hành, hoạt động tác nghiệp tuân thủ, hiệu quả;
- Hỗ trợ HĐQT trong việc bảo đảm công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Góp phần hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp phù hợp với tình hình hoạt động Công ty, quy định Pháp luật hiện hành và hướng tới các thông lệ quốc tế;
- Giám sát chất lượng chất lượng dịch vụ của Đơn vị kiểm toán độc lập trong các đợt kiểm toán trong năm 2025;
- Thực hiện các công việc khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của UBKT Công ty.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động của UBKT Công ty trong năm 2024 và Kế hoạch năm 2025.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2025

**TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN
CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN THU HIỀN



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024**



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Quang
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Bà Nguyễn Thu Hiền

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thu Hiền
Ông Nguyễn Thiệu Quang

Chủ tịch
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Phạm Hồng Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Hoàng Yên

Đại diện theo ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 2 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-01305-25-1



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2025



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.385.483.742.835	22.535.021.988.601
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.266.833.729.774	4.760.812.990.981
Tiền	111		10.850.841.169	28.339.741.525
Các khoản tương đương tiền	112		4.255.982.888.605	4.732.473.249.456
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50.731.443.768	3.503.875.585.603
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	-	1.993.875.585.603
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	50.731.443.768	1.510.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.174.414.243.722	13.443.070.511.865
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	958.677.505.334	1.015.984.454.739
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		27.765.143.898	20.171.061.039
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7(a)	-	3.299.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	187.971.594.490	9.107.914.996.087
Hàng tồn kho	140	9	880.334.796.121	819.118.075.682
Hàng tồn kho	141		913.504.498.603	832.707.971.816
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(33.169.702.482)	(13.589.896.134)
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.169.529.450	8.144.824.470
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.169.529.450	8.144.824.470

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		17.079.438.730.470	14.542.439.745.668
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.542.291.642.676	5.419.006.111.721
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7(b)	3.800.032.657.530	-
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	3.742.258.985.146	5.419.006.111.721
Tài sản cố định	220		42.534.036.017	32.899.794.095
Tài sản cố định hữu hình	221	10	30.736.484.362	21.803.127.155
Nguyên giá	222		82.316.437.849	68.810.791.963
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.579.953.487)	(47.007.664.808)
Tài sản cố định vô hình	227	11	11.797.551.655	11.096.666.940
Nguyên giá	228		299.241.715.425	292.732.233.096
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(287.444.163.770)	(281.635.566.156)
Tài sản dở dang dài hạn	240		33.624.790.946	9.631.238.976
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	33.624.790.946	9.631.238.976
Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.043.271.509.348	8.716.171.509.348
Đầu tư vào các công ty con	251	5(c)	9.043.271.509.348	8.716.171.509.348
Tài sản dài hạn khác	260		417.716.751.483	364.731.091.528
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	58.608.923.039	17.120.720.180
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	359.107.828.444	347.610.371.348
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.464.922.473.305	37.077.461.734.269

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này


Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		12.885.318.202.937	10.272.792.365.522
Nợ ngắn hạn	310		11.092.752.990.164	10.246.018.912.749
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.372.894.193.946	1.961.470.231.319
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		64.031.871.415	57.864.531.253
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	245.925.153.694	271.400.437.740
Phải trả người lao động	314		-	93.460.031
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.942.382.366.843	1.957.818.189.550
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	22.519.404.266	152.372.062.856
Vay ngắn hạn	320	19(a)	6.445.000.000.000	5.845.000.000.000
Nợ dài hạn	330		1.792.565.212.773	26.773.452.773
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	28.165.212.773	26.773.452.773
Vay dài hạn	338	19(b)	1.764.400.000.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		10.579.604.270.368	26.804.669.368.747
Vốn chủ sở hữu	410	20	10.579.604.270.368	26.804.669.368.747
Vốn cổ phần	411	21	7.355.531.790.000	7.274.618.790.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	3.648.755.415.858	3.610.328.815.858
Cổ phiếu quỹ	415	21	(994.666.327.121)	(994.666.327.121)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		569.983.391.631	16.914.388.090.010
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	10.653.248.920.827
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		569.983.391.631	6.261.139.169.183
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		23.464.922.473.305	37.077.461.734.269

Ngày 24 tháng 2 năm 2025


Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính




Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền

007.
ÁNH
' TNH
AG
Ồ CH

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024


Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	30.355.932.466.016	27.545.495.830.023
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	215.681.525.107	139.821.133.893
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	30.140.250.940.909	27.405.674.696.130
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	22.615.854.932.536	21.275.838.726.581
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		7.524.396.008.373	6.129.835.969.549
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	6.214.667.833.320	6.401.072.803.761
Chi phí tài chính	22	27	237.041.827.069	333.866.248.227
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		212.939.727.601	302.670.803.869
Chi phí bán hàng	25	28	5.731.593.249.269	5.060.228.851.210
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	658.100.933.011	574.907.192.073
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		7.112.327.832.344	6.561.906.481.800
Thu nhập khác	31		362.500.897	1.993.185.566
Chi phí khác	32		3.572.444.882	56.714.066
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(3.209.943.985)	1.936.471.500
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.109.117.888.359	6.563.842.953.300
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	460.756.782.534	454.426.224.554
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	31	(11.497.457.096)	(151.722.440.437)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.659.858.562.921	6.261.139.169.183

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	7.109.117.888.359	6.563.842.953.300
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	11.326.600.948	25.749.863.757
Các khoản dự phòng	03	90.984.460.385	40.432.723.338
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(146.486.003)	14.463.337
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(256.592.037)	(1.060.531.681)
Thu nhập lãi tiền gửi, lợi nhuận được phân phối và thu nhập khác từ các hoạt động đầu tư	05	(6.201.854.124.892)	(6.374.946.265.629)
Chi phí lãi vay và chi phí thu xếp khoản vay	06	216.142.038.909	302.670.803.869
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.225.313.785.669	556.704.010.291
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	48.299.893.621	(431.452.515.159)
Biến động hàng tồn kho	10	(152.201.180.824)	(15.182.522.887)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	246.390.065.723	917.648.907.988
Biến động chi phí trả trước	12	210.077.012	12.606.248.054
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	1.993.875.585.603	(1.193.448.463.321)
		3.361.888.226.804	(153.124.335.034)
Tiền lãi vay và chi phí thu xếp khoản vay đã trả	14	(247.615.542.255)	(313.973.439.486)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(481.400.074.169)	(291.591.153.795)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.632.872.610.380	(758.688.928.315)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(46.811.321.731)	(16.406.142.670)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	2.114.496.683	1.278.170.407
Tiền chi cho vay	23	(2.041.000.000.000)	(490.000.000.000)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền chi cho các hoạt động đầu tư khác	23	(12.233.250.673.768)	(17.465.237.815.035)
Tiền thu các khoản cho vay	24	1.980.000.000.000	300.000.000.000
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền thu từ các hoạt động đầu tư khác	24	20.146.819.230.000	11.345.537.815.035
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con	25	(327.100.000.000)	(75.500.000.000)
Tiền thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, cho vay, các hoạt động đầu tư khác và lợi nhuận được phân phối	27	9.901.342.088.276	6.572.959.493.827
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.382.113.819.460	172.631.521.564
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	119.339.600.000	-
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	18.161.400.000.000	17.520.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(15.797.000.000.000)	(16.154.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(22.992.734.685.700)	(220.097.832.173)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.508.995.085.700)	1.145.902.167.827
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(494.008.655.860)	559.844.761.076
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4.760.812.990.981	4.200.983.420.980
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	29.394.653	(15.191.075)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	4.266.833.729.774	4.760.812.990.981

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)


Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2024 VND	2023 VND
Chuyển đổi số dư lãi phải thu thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay	440.032.657.530	-
Thu hồi các khoản cho vay và lãi phải thu thông qua việc cần trừ với cổ tức phải trả	-	3.002.364.736.327

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MS của các cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2024, các cổ đông đã thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc niêm yết vẫn chưa diễn ra.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn, nước khoáng; mua bán sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1.654 nhân viên (1/1/2024: 1.514 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ, dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

042
NH
3 TY
PM
10 H

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là từ 4 đến 10 năm.

(ii) Nhãn hiệu

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và lắp đặt tài sản cố định hữu hình và vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản cho vay, lãi từ chứng khoán kinh doanh và lãi từ các hoạt động đầu tư khác, lợi nhuận được phân phối từ các công ty con và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được xác lập. Lợi nhuận được phân phối liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các ngân hàng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

42-
HÁ
TƯ
M
HỒ

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	149.011.258	376.351.002
Tiền gửi ngân hàng	10.701.829.911	27.963.390.523
Các khoản tương đương tiền	4.255.982.888.605	4.732.473.249.456
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	4.266.833.729.774	4.760.812.990.981

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

5. Đầu tư tài chính

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (a)	-	1.993.875.585.603
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	50.731.443.768	1.510.000.000.000
	50.731.443.768	3.503.875.585.603
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào các công ty con (c)	9.043.271.509.348	8.716.171.509.348

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024				1/1/2024			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu doanh nghiệp do các bên thứ ba phát hành	-	-	-	-	9.510.200	1.993.875.585.603	(*)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	50.731.443.768	1.510.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(c) Đầu tư vào các công ty con

	31/12/2024		1/1/2024	
	% vốn sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% vốn sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư vào các công ty con:				
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (i)	100%	3.998.500.009.348	100%	3.671.400.009.348
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (ii)	100%	4.315.000.000.000	100%	4.315.000.000.000
▪ Masan Consumer (Thailand) Limited (iii)	99,99%	64.771.500.000	99,99%	64.771.500.000
▪ Công ty TNHH Masan HPC (iv)	100%	605.000.000.000	100%	605.000.000.000
▪ Công ty TNHH Masan Innovation (v)	100%	60.000.000.000	100%	60.000.000.000
		9.043.271.509.348		8.716.171.509.348

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Không có khoản dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các công ty con được trích lập trên báo cáo tài chính riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (“MSF”) có 10 công ty con, bao gồm (1) Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan (“MSI”), (2) Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (“VTF”), (3) Công ty Cổ phần Masan PQ (“MPQ”), (4) Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (“MHD”), (5) Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB (“MMB”), (6) Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG (“MHG”), (7) Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngự Phú Quốc (“NPQ”), (8) Công ty TNHH Masan Long An (“MLA”), (9) Công ty TNHH Masan HN (“HNF”) và (10) Công ty TNHH Masan HG 2 (“MH2”). Các công ty con này, ngoại trừ MLA, HNF và MH2, là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, MLA, HNF và MH2 vẫn chưa đi vào hoạt động. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (ii) Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage có 4 công ty con, bao gồm (1) Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”), (2) Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“VHC”), (3) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha (“KRP”) và (4) Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“QNW”). Các công ty con này là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (iii) Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”) là một công ty thương mại và phân phối các sản phẩm của Công ty tại Thái Lan. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty con này.
- (iv) Công ty TNHH Masan HPC (“HPC”) có 1 công ty con là Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“NET”). NET là một công ty sản xuất sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình và phân phối sản phẩm của mình trực tiếp ra thị trường và thông qua Công ty. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (v) Công ty TNHH Masan Innovation (“INV”) có 1 công ty con là Công ty TNHH Tự Giặt sấy Chanté (trước đây là “Công ty TNHH Giặt Ủi Chuyên nghiệp Joins Pro”) (“JPR”). JPR cung cấp dịch vụ giặt ủi. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Các công ty con khác được thành lập tại Việt Nam.

Biến động của khoản đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	8.716.171.509.348	8.640.671.509.348
Tăng trong năm	327.100.000.000	75.500.000.000
Số dư cuối năm	9.043.271.509.348	8.716.171.509.348

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu từ các bên liên quan	686.993.429.534	809.595.127.405
Phải thu từ các bên thứ ba	271.684.075.800	206.389.327.334
	<hr/>	<hr/>
	958.677.505.334	1.015.984.454.739

Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn.

7. Phải thu về cho vay**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan (*)		- 3.299.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu về cho vay dài hạn từ các bên liên quan (*)	3.800.032.657.530	-
	<hr/>	<hr/>

(*) Các khoản phải thu về cho vay từ các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm theo thỏa thuận trong các hợp đồng vay. Trong năm, một số khoản phải thu về cho vay ngắn hạn được gia hạn thời gian đáo hạn thêm 3 năm. Các khoản cho vay này đáo hạn trong tháng 12 năm 2027. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan.

1-C.
H
H
1
H.M

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan:		
▪ Lợi nhuận được phân phối phải thu	105.807.343.158	3.886.484.273.753
▪ Lãi dự thu ngắn hạn từ cho vay (i)	-	253.675.616.434
▪ Ký quỹ ngắn hạn (ii)	67.199.190.493	67.199.190.493
Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iii)	-	4.680.000.000.000
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iii)	-	197.006.383.561
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng và chứng khoán kinh doanh	10.653.510.840	18.501.174.589
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	3.461.810.000	2.309.650.000
Phải thu khác	849.739.999	2.738.707.257
	187.971.594.490	9.107.914.996.087

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Các khoản đặt cọc dài hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iii)	3.600.000.000.000	5.374.300.000.000
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iii)	120.265.753.425	20.579.780.000
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác	21.993.231.721	24.126.331.721
	3.742.258.985.146	5.419.006.111.721

- (i) Các số dư này phản ánh khoản lãi dự thu từ các khoản cho vay cấp cho các bên liên quan. Trong năm, các khoản lãi phải thu với số tiền là 440.032.657.530 VND đã được chuyển đổi thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay. Xem Thuyết minh 7 và Thuyết minh 32 để biết thêm thông tin.
- (ii) Ký quỹ cho một bên liên quan để thuê kho. Xem Thuyết minh 32 để biết thêm thông tin.
- (iii) Các số dư ngắn hạn và dài hạn này phản ánh số tiền đặt cọc cho các bên thứ ba theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo các hợp đồng này, các bên thứ ba này cam kết trả cho Công ty mức lợi nhuận tối thiểu theo thỏa thuận trong từng hợp đồng hợp tác đầu tư.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	69.907.002.557	-	72.756.267.583	-
Nguyên vật liệu	90.405.277.840	(7.913.405.156)	99.567.825.347	(5.976.097.413)
Công cụ và dụng cụ	1.200.620.574	(1.243.333)	792.051.557	-
Thành phẩm	79.896.620.562	(1.914.166.191)	86.702.557.250	(925.260.985)
Hàng hóa	667.259.460.718	(23.340.887.802)	572.889.270.079	(6.688.537.736)
Hàng gửi đi bán	4.835.516.352	-	-	-
	913.504.498.603	(33.169.702.482)	832.707.971.816	(13.589.896.134)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	13.589.896.134	12.662.671.687
Tăng dự phòng trong năm	94.132.235.907	40.541.338.163
Sử dụng dự phòng trong năm	(71.404.654.037)	(39.505.498.891)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.147.775.522)	(108.614.825)
Số dư cuối năm	33.169.702.482	13.589.896.134

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có 33.170 triệu VND (1/1/2024: 13.590 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	12.544.546.167	9.804.552.453	18.770.402.286	27.691.291.057	68.810.791.963
Tăng trong năm	-	1.848.369.200	-	367.438.496	2.215.807.696
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.254.959.380	12.838.498.111	-	-	14.093.457.491
Thanh lý	-	(1.061.323.809)	(1.574.929.738)	(167.365.754)	(2.803.619.301)
Số dư cuối năm	13.799.505.547	23.430.095.955	17.195.472.548	27.891.363.799	82.316.437.849
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.544.546.167	4.044.983.386	6.930.115.743	23.488.019.512	47.007.664.808
Khấu hao trong năm	164.339.918	1.474.384.784	2.507.333.995	1.371.944.637	5.518.003.334
Thanh lý	-	(472.112.564)	(306.236.337)	(167.365.754)	(945.714.655)
Số dư cuối năm	12.708.886.085	5.047.255.606	9.131.213.401	24.692.598.395	51.579.953.487
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	5.759.569.067	11.840.286.543	4.203.271.545	21.803.127.155
Số dư cuối năm	1.090.619.462	18.382.840.349	8.064.259.147	3.198.765.404	30.736.484.362

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 38.223 triệu VND (1/1/2024: 37.580 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Nhãn hiệu VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	292.095.869.460	636.363.636	292.732.233.096
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.509.482.329	-	6.509.482.329
Số dư cuối năm	298.605.351.789	636.363.636	299.241.715.425
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	280.999.202.520	636.363.636	281.635.566.156
Khấu hao trong năm	5.808.597.614	-	5.808.597.614
Số dư cuối năm	286.807.800.134	636.363.636	287.444.163.770
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	11.096.666.940	-	11.096.666.940
Số dư cuối năm	11.797.551.655	-	11.797.551.655

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 276.694 triệu VND (1/1/2024: 258.975 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND
Số dư đầu năm	9.631.238.976
Tăng trong năm	51.890.086.949
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(14.093.457.491)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(6.509.482.329)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(7.293.595.159)
Số dư cuối năm	33.624.790.946

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Máy móc và thiết bị	23.652.404.774	4.758.101.076
Phần mềm máy tính	7.905.203.325	-
Nhà cửa và kiến trúc	1.692.952.845	-
Khác	374.230.002	4.873.137.900
	33.624.790.946	9.631.238.976

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thu xếp khoản vay VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	17.120.720.180	-	17.120.720.180
Tăng trong năm	11.191.112.037	41.363.440.000	52.554.552.037
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.293.595.159	-	7.293.595.159
Thanh lý	(59.589.490)	-	(59.589.490)
Phân bổ trong năm	(15.872.704.539)	(2.427.650.308)	(18.300.354.847)
Số dư cuối năm	19.673.133.347	38.935.789.692	58.608.923.039

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng phải trả	264.391.774.486	275.012.184.841
Chi phí kho vận phải trả	23.886.397.122	19.743.801.488
Chiết khấu thương mại phải trả	15.953.171.051	9.023.342.566
Chi phí phải trả khác	54.876.485.785	43.831.042.453
	359.107.828.444	347.610.371.348

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2024 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan	2.156.222.570.288	1.762.372.924.260
Phải trả các bên thứ ba	216.671.623.658	199.097.307.059
	2.372.894.193.946	1.961.470.231.319

Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong 90 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Phát sinh VND	Đã nộp VND	Khấu trừ/Hoàn lại VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	36.936.901.390	2.570.166.417.054	(129.487.249.123)	(2.460.139.556.421)	17.476.512.900
Thuế thu nhập doanh nghiệp	228.443.599.361	460.756.782.534	(481.400.074.169)	-	207.800.307.726
Thuế thu nhập cá nhân	5.766.275.847	146.284.520.250	(124.111.464.558)	(8.418.168.431)	19.521.163.108
Các loại thuế khác	253.661.142	49.157.430.453	(48.283.921.635)	-	1.127.169.960
	271.400.437.740	3.226.365.150.291	(783.282.709.485)	(2.468.557.724.852)	245.925.153.694

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	1.321.958.872.430	1.375.060.924.203
Chi phí trưng bày	137.555.296.686	105.239.342.264
Chi phí kho vận	119.431.985.609	98.719.007.442
Thưởng và lương tháng 13	80.182.352.513	137.770.515.467
Chiết khấu thương mại	79.765.855.254	45.116.712.831
Phải trả mua hàng hóa	44.236.486.112	70.362.156.376
Chi phí công nghệ thông tin	33.019.827.318	36.874.662.212
Chi phí lãi vay	19.216.064.425	11.260.178.079
Chi phí nghiên cứu thị trường	12.580.938.953	11.072.022.038
Chi phí khác	94.434.687.543	66.342.668.638
	1.942.382.366.843	1.957.818.189.550

18. Phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Cổ tức phải trả	18.206.685.700	6.678.110.100
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	1.675.150.000	48.033.250.000
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	2.500.324.050	2.032.065.855
Phải trả khác	137.244.516	95.628.636.901
	22.519.404.266	152.372.062.856

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	28.165.212.773	26.773.452.773

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Vay**

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2024 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Nhận nợ vay VND	Trả nợ vay VND	
Vay ngắn hạn	5.845.000.000.000	16.397.000.000.000	(15.797.000.000.000)	6.445.000.000.000
Vay dài hạn	-	1.764.400.000.000	-	1.764.400.000.000
	5.845.000.000.000	18.161.400.000.000	(15.797.000.000.000)	8.209.400.000.000

(a) Vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	3,80% – 4,70%	6.095.000.000.000	5.845.000.000.000
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	USD	5,75%	350.000.000.000	-
			6.445.000.000.000	5.845.000.000.000

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	USD	6,80% - 7,20%	2029	1.764.400.000.000	-

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(994.666.327.121)	13.877.708.130.327	23.767.989.409.064
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	6.261.139.169.183	6.261.139.169.183
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(3.224.459.209.500)	(3.224.459.209.500)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(994.666.327.121)	16.914.388.090.010	26.804.669.368.747
Vốn cổ phần đã phát hành	80.913.000.000	38.426.600.000	-	-	119.339.600.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	6.659.858.562.921	6.659.858.562.921
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(23.004.263.261.300)	(23.004.263.261.300)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	7.355.531.790.000	3.648.755.415.858	(994.666.327.121)	569.983.391.631	10.579.604.270.368



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	735.553.179	7.355.531.790.000	727.461.879	7.274.618.790.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	10.915.388	994.666.327.121	10.915.388	994.666.327.121
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	724.637.791	7.246.377.910.000	716.546.491	7.165.464.910.000
Thặng dư vốn cổ phần		3.648.755.415.858		3.610.328.815.858

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động số cổ phiếu đang lưu hành trong năm như sau:

	2024		2023	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm				
– hiện đang lưu hành	716.546.491	7.165.464.910.000	716.546.491	7.165.464.910.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP")	8.091.300	80.913.000.000	-	-
Số dư cuối năm	724.637.791	7.246.377.910.000	716.546.491	7.165.464.910.000
– hiện đang lưu hành				

22. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2024 và Đại hội đồng Cổ đông bất thường vào các ngày 13 tháng 9 năm 2024 và ngày 14 tháng 10 năm 2024 đã lần lượt thông qua nghị quyết chia cổ tức bằng tiền cho năm 2023 với tổng số tiền là 16.120.204 triệu VND và tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2024 với số tiền là 6.884.059 triệu VND (2023: tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2023 là 3.224.459 triệu VND).

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng 1 năm	1.288.060.653.722	123.056.905.548
Trong vòng 2 đến 5 năm	325.783.685.732	160.257.108.831
	1.613.844.339.454	283.314.014.379

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	15.409.439.822	25.078.315.274
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	10.575.867.314	22.522.796.589
	25.985.307.136	47.601.111.863

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Ngoại tệ**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	287.910	7.289.873.351	1.032.872	24.892.206.283

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	30.292.967.512.565	27.480.733.505.435
▪ Doanh thu khác và cung cấp dịch vụ	62.964.953.451	64.762.324.588
	30.355.932.466.016	27.545.495.830.023
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	108.877.059.267	85.435.343.361
▪ Hàng bán bị trả lại	106.804.465.840	54.385.790.532
	215.681.525.107	139.821.133.893
Doanh thu thuần	30.140.250.940.909	27.405.674.696.130

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2024 VND	2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp	22.524.870.472.151	21.235.406.003.243
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	90.984.460.385	40.432.723.338
	22.615.854.932.536	21.275.838.726.581

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận được phân phối từ các công ty con	4.872.022.203.874	5.051.818.630.927
Lãi tiền gửi ngân hàng, chứng khoán kinh doanh và hoạt động đầu tư khác	1.007.355.427.866	926.437.755.829
Thu nhập lãi từ các khoản cho các bên liên quan vay	296.605.808.220	394.778.919.969
Thu nhập lãi từ khoản cho một bên thứ ba vay	25.870.684.932	1.910.958.904
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.810.504.583	26.126.538.132
Thu nhập tài chính khác	3.203.845	-
	6.214.667.833.320	6.401.072.803.761

27. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	212.939.727.601	302.670.803.869
Chi phí đi vay	3.202.311.308	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.057.133.614	15.569.201.355
Chi phí khác	16.842.654.546	15.626.243.003
	237.041.827.069	333.866.248.227

28. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	4.016.883.518.078	3.574.166.789.532
Chi phí kho vận	825.288.727.378	726.286.713.810
Chi phí nhân viên	514.559.619.626	465.391.456.455
Chi phí trưng bày	229.870.242.551	160.955.638.969
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	36.158.290.283	27.770.287.131
Chi phí nghiên cứu thị trường	41.108.474.924	42.710.529.037
Chi phí khác	67.724.376.429	62.947.436.276
	5.731.593.249.269	5.060.228.851.210

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	290.275.904.575	277.803.557.518
Chi phí thuê văn phòng	68.725.652.028	53.415.285.476
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	63.443.808.705	72.378.776.519
Chi phí nghiên cứu và phát triển	45.146.499.084	49.672.587.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.159.131.649	13.843.076.218
Chi phí khác	183.349.936.970	107.793.908.408
	658.100.933.011	574.907.192.073

30. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí hàng hóa và thành phẩm đã bán	22.524.870.472.151	21.235.406.003.243
Chi phí nhân viên	804.835.524.201	743.195.013.973
Chi phí khấu hao và phân bổ tài sản cố định	11.326.600.948	25.749.863.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.326.625.213.031	4.710.207.612.538
Chi phí khác	337.891.304.485	196.416.276.353

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	459.799.161.817	454.426.224.554
Dự phòng thiếu những năm trước	957.620.717	-
	460.756.782.534	454.426.224.554
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(11.497.457.096)	(151.722.440.437)
	449.259.325.438	302.703.784.117

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (*)	7.109.117.888.359	6.563.842.953.300
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.421.823.577.672	1.312.768.590.660
Thu nhập không chịu thuế	(974.404.440.775)	(1.010.363.726.185)
Chi phí không được khấu trừ thuế	882.567.824	298.919.642
Dự phòng thiếu hụt năm trước	957.620.717	-
	449.259.325.438	302.703.784.117

(*) Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty bao gồm 4.872.022 triệu VND (2023: 5.051.819 triệu VND) lợi nhuận được phân phối từ các công ty con là thu nhập không chịu thuế.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam cao hơn so với các quốc gia khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc Công ty về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể là đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2024 VND	2023 VND	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Bán hàng hóa	47.315.354	137.082.611	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.035.759.721	882.162.425	-	-
	Phí dịch vụ mua ngoài phân bổ	45.574.223.556	11.372.386.989	(48.077.533.640)	(11.288.691.491)
Các công ty mẹ cấp cao					
Công ty TNHH The SHERPA	Bán hàng hóa	118.194.446	26.123.151	7.079.999	17.160.001
Công ty Cổ phần The CrownX	Bán hàng hóa	54.940.639	88.863.896	5.372.399	97.750.286
	Mua dịch vụ	36.058.759.337	19.177.897.430	(27.499.305.295)	-
Công ty mẹ					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cổ tức đã công bố	21.349.030.011.000	3.021.089.152.500	-	-
	Cổ tức đã trả thông qua việc cản trừ với các khoản cho vay và lãi cho vay				
	phải thu từ các bên liên quan	-	3.002.364.736.327	-	-
	Cổ tức đã trả bằng tiền	21.349.030.011.000	18.724.416.173	-	-



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2024 VND	2023 VND	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Các công ty con					
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Phân phối lợi nhuận	3.973.539.758.874	4.943.570.174.513	103.811.343.158	3.778.235.817.339
	Góp vốn	327.100.000.000	75.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Masan HPC	Phân phối lợi nhuận	58.518.150.000	47.964.654.792	-	47.964.654.792
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	Bán hàng hóa	107.872.456.070	114.723.227.378	-	-
	Mua hàng hóa	1.980.330.488.449	1.990.467.436.971	(160.555.421.037)	(184.318.041.774)
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	Bán hàng hóa	318.679.678.480	298.425.553.549	-	-
	Bán tài sản cố định	62.833.334	-	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	6.365.155.917.893	5.632.627.899.572	(452.939.254.491)	(272.161.722.194)
	Cho vay, bao gồm chuyển đổi số dư lãi phải thu thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay	568.856.219.177	190.000.000.000	1.897.856.219.177	1.699.000.000.000
	Thu hồi các khoản cho vay bằng tiền	370.000.000.000	-	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	151.299.506.850	198.456.041.308	-	125.675.616.437
	Thu hồi các khoản lãi cho vay bằng tiền	59.118.904.110	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	299.453.327	376.687.368	(323.409.594)	(406.822.357)
	Thu hồi khoản cho vay và phải thu lãi cho vay thông qua việc cản trừ với cổ tức phải trả	-	1.548.605.706.984	-	-



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2024 VND	2023 VND	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	Bán hàng hóa	216.263.758.959	250.677.222.268	-	-
	Mua hàng hóa	5.433.836.722.690	5.833.256.327.882	(442.729.881.832)	(264.180.518.295)
	Cho vay, bao gồm chuyển đổi số dư lãi phải thu thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay	622.176.438.353	-	1.902.176.438.353	1.600.000.000.000
	Thu hồi các khoản cho vay bằng tiền	320.000.000.000	-	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	145.306.301.370	196.322.878.661	-	127.999.999.997
	Thu hồi các khoản lãi cho vay bằng tiền	51.129.863.014	-	-	-
	Thu hồi khoản cho vay và phải thu lãi cho vay thông qua việc cân trừ với cổ tức phải trả	-	1.453.759.029.343	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	Bán hàng hóa	259.312.923.780	196.539.987.782	-	-
	Bán tài sản cố định	625.421.360	-	-	-
	Mua hàng hóa	4.182.377.063.627	3.388.478.792.457	(281.416.918.628)	(238.567.718.287)
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Bán hàng hóa	8.360.010	2.287.600	-	-
Công ty Cổ phần Masan PQ	Bán hàng hóa	20.660.329	17.531.807	-	-
	Mua hàng hóa	1.520.116.360	44.542.800	(272.775.859)	-
Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	Bán hàng hóa	827.159.815	1.159.264.346	-	-
	Mua hàng hóa	135.324.173.533	117.041.020.192	(52.038.287.616)	(40.318.832.834)
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Phân phối lợi nhuận	839.964.295.000	60.283.801.622	1.996.000.000	60.283.801.622

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2024 VND	2023 VND	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	Bán hàng hóa	79.445.704.463	65.285.472.416	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.214.707.362.156	2.018.909.427.383	(417.618.568.814)	(307.863.278.749)
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	Bán hàng hóa	887.092.518	286.141.253	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	441.174.796.370	470.523.034.354	(42.950.364.019)	(65.696.101.027)
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	Bán hàng hóa	107.519.655	86.863.312	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	227.983.745.422	244.886.322.986	(55.185.779.941)	(54.943.741.944)
Masan Consumer (Thailand) Limited	Bán hàng hóa	51.480.258.136	45.313.834.169	9.065.015.760	16.346.435.761
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	Bán hàng hóa	8.225.885.067	35.149.077.903	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	359.969.302.879	441.400.060.021	(18.114.013.543)	(50.191.064.962)
	Phí hỗ trợ quản lý	-	3.996.446.998	-	-
Công ty TNHH Tự Giặt sấy Chanté (trước đây là “Công ty TNHH Giặt Ủi Chuyên Nghiệp Joins Pro”)	Bán hàng hóa	163.595.456	151.511.545	31.155.000	158.540.200
	Mua hàng hóa	1.167.000	-	-	-
Các bên liên quan khác					
Công ty Cổ phần Masan JinJu và chi nhánh	Bán hàng hóa và dịch vụ	9.223.905.039	7.423.644.865	-	-
	Phí dịch vụ phân phối	58.364.765.999	60.893.605.576	-	-
	Phải trả tiền bán hàng thu hộ của dịch vụ phân phối	-	-	(155.967.769.673)	(269.362.001.707)
	Phí hỗ trợ bán hàng và giao hàng của dịch vụ phân phối	68.785.511.159	92.907.267.069	-	-
	Mua hàng hóa	1.166.994.398	196.823.871	(197.726.326)	(99.716.423)
	Mua tài sản cố định	-	420.913.690	-	(463.005.059)

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2024 VND	2023 VND	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	7.496.992.049	34.363.397	7.811.526.433	-
	Mua hàng hóa	890.504.948	917.852.302	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	31.288.842.882	54.527.767.767	34.417.727.170	59.202.736.386
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	697.456.640	197.070.250	485.816.575	32.819.972
	Mua hàng hóa	18.909.090	2.982.000	(10.400.000)	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	69.887.669	121.575.798	-	15.179.972
Công ty TNHH Masan Brewery MB	Đặt cọc thuê kho	-	12.327.201.917	67.199.190.493	67.199.190.493
	Mua dịch vụ	5.733.000.000	4.536.000.000	(559.985.824)	(2.289.836.809)
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Bán hàng hóa	17.272.221	28.951.509	2.178.000	2.178.000
	Bán tài sản cố định	1.424.423.807	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	21.679.311.294	21.867.558.287	9.565.972.082	24.054.314.116
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Bán hàng hóa	313.866.219	112.735.556	12.998.700	-
	Mua hàng hóa	9.942.268.329	411.218.936	(263.617.387)	(397.587.600)
Công ty TNHH MEATDeli HN	Bán hàng hóa	63.493.332	95.926.205	6.096.000	174.339.055
	Mua hàng hóa	-	20.648.950	-	-
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	Bán hàng hóa	9.074.074	25.961.698	-	8.075.000
	Mua hàng hóa	1.688.592	2.686.152	-	-
Công ty Cổ phần 3F VIỆT và chi nhánh	Bán hàng hóa	170.284.294	-	3.240.000	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2024 VND	2023 VND	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Bán hàng hóa	1.112.853.611	1.039.851.344	141.031.618	147.621.167
	Phí hỗ trợ quản lý	-	139.088.070	-	152.996.877
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	Bán hàng hóa	1.925.700.355.101	1.469.292.745.412	617.831.704.323	629.796.071.880
	Bán tài sản cố định	-	931.320.407	-	1.024.452.448
	Mua hàng hóa và dịch vụ	583.870.396.849	359.928.127.540	(21.250.763)	-
	Người mua trả tiền trước	37.000.000	-	37.000.000	-
	Phân bổ tiền thuê văn phòng	22.943.864.180	19.680.961.961	6.689.049.661	6.886.915.115
	Chiết khấu thanh toán và hỗ trợ bán hàng khác phải trả	21.863.202.843	23.101.616.176	-	-
	Phải thu tiền bán hàng thu hộ của hoạt động dịch vụ phân phối	-	-	-	67.572.186.586
	Phải thu khác	-	-	17.000.000	17.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Wineco	Mua hàng hóa	185.467.374	-	-	-
	Phân bổ tiền thuê văn phòng	336.911.040	703.008.870	-	234.007.780
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Bán hàng hóa	1.819.937.663	1.410.396.721	274.680.000	312.363.921
	Mua hàng hóa	7.155.609.826	1.476.424.549	-	(660.960.000)
	Phí hỗ trợ quản lý	-	1.438.215.492	-	1.553.272.731
Công ty Cổ phần Mobicast	Mua dịch vụ	6.061.031.268	4.656.843.114	(187.980.199)	(221.830.348)
Công ty Cổ phần The Supra	Bán hàng hóa	251.496.622	238.214.559	16.011.603	23.389.399
	Mua dịch vụ	11.860.225.744	319.745.900	(448.438.425)	-
	Phí hỗ trợ quản lý	580.346.492	1.650.296.993	626.774.211	1.782.320.752
	Phải trả khác	-	3.000.000	(3.000.000)	(3.000.000)



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2024 VND	2023 VND	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Zenith Investment	Phí thuê văn phòng và phí quản lý	20.993.965.408	-	(23.093.361.949)	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (*)	Phí dịch vụ mua ngoài phân bổ	6.743.062.666	3.300.000.000	(11.047.368.933)	(3.630.000.000)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương (*)	Mua chứng khoán kinh doanh	-	1.993.875.585.603	-	-
	Bán chứng khoán kinh doanh	1.993.875.585.603	800.427.122.282	-	-
Thành viên quản lý chủ chốt (**)	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	12.931.975.926	15.378.442.157	-	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty cũng có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”), một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

(**) Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán của Công ty không nhận thù lao cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty bảo lãnh cho các khoản vay ngân hàng của các bên liên quan với giá trị ghi sổ là 346.449 triệu VND (1/1/2024: 1.017.516 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong thù lao cho các nhân sự quản lý chủ chốt, phí hội đồng quản trị thực tế, lương và tiền thưởng cho mỗi thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Tổng giám đốc điều hành của Công ty như sau:

Tên	Chức vụ	2024 VND	2023 VND
Ban Giám đốc			
<i>Chi phí và thưởng</i>			
Ông Danny Le	Chủ tịch	-	-
Ông Trương Công Thắng	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên	-	-
Ủy ban Kiểm toán			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Bà Nguyễn Thu Hiền	Chủ tịch	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên	-	-
Hội đồng Quản trị			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc	6.712.296.041	7.000.474.708

33. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Trong tháng 10 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua nghị quyết phê duyệt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ thực hiện quyền là 45,1% (1.000:451) (01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua và cứ 1.000 quyền mua sẽ được mua 451 cổ phiếu phát hành thêm). Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, việc phát hành thêm cổ phần này chưa hoàn thành.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng này.

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thắng
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền



Số: 03./2025/GUQ-MS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 01 năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN

BÊN ỦY QUYỀN:

Ông : **TRƯƠNG CÔNG THẮNG**
Chức danh : Tổng giám đốc – Người đại diện theo pháp luật

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

Bà : **NGUYỄN HOÀNG YẾN**
CCCD số : 001163038116, ngày cấp: 07/06/2023, nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.



NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Điều 1. Bên Ủy quyền theo đây ủy quyền cho Bên Nhận ủy quyền và Bên Nhận ủy quyền đồng ý nhận ủy quyền thực hiện các công việc sau:

STT	Lĩnh vực	Diễn giải
1	Tài chính – Ngân hàng	<p>1.1. Toàn quyền quản lý, điều hành và sử dụng tài khoản tại Ngân hàng theo chính sách/quy định chung của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền sau:</p> <p>1.1.1. Thực hiện các yêu cầu mở tài khoản, đóng tài khoản và thực hiện tất cả các giao dịch liên quan đến mở tài khoản tại các Ngân hàng (bao gồm nhưng không giới hạn: thay đổi thông tin tài khoản, thông tin dịch vụ ngân hàng điện tử; truy vấn thông tin giao dịch liên quan đến các tài khoản; thay đổi thông tin liên quan hồ sơ pháp lý như thay đổi giấy phép kinh doanh, điều lệ, thay đổi mẫu dấu, ...).</p> <p>1.1.2. Ký kết các Hợp đồng, thỏa thuận, hồ sơ, chứng từ liên quan đến tất cả các dịch vụ tài khoản (bao gồm nhưng không giới hạn: dịch vụ thẻ, SMS, dịch vụ ngân hàng điện tử, giao dịch qua Fax/Email, công văn phí giao dịch ngân hàng, ...).</p>

	<p>1.1.3. Ký kết các Hợp đồng trả lương, Hợp đồng/thỏa thuận dịch vụ/gói giải pháp tại Ngân hàng.</p> <p>1.1.4. Ký kết và phê duyệt các đề nghị trả nợ trước hạn/đến hạn khoản vay, trích tiền từ tài khoản thanh toán để trả nợ gốc, lãi vay, phí và các chi phí khác.</p> <p>1.1.5. Ký kết các công văn yêu cầu cung cấp hay xác nhận số dư với Ngân hàng; đối chiếu giao dịch và/hoặc số dư với Khách hàng, nhà cung cấp, Bên liên quan theo yêu cầu của Kiểm toán hay cơ quan chức năng.</p>
	<p>1.2. Ký kết các Hợp đồng mua bán ngoại tệ (spot, swap, hedging, option, future, ...) theo chính sách/quy định chung của Công ty.</p>
	<p>1.3. Ký kết và thực hiện các Hợp đồng tiền gửi, các thư rút trước hạn hợp đồng tiền gửi – không kể giá trị/loại tiền/kỳ hạn theo chính sách/quy định chung của Công ty.</p>
	<p>1.4. Ký kết các hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản theo chính sách/quy định chung của Công ty.</p>
	<p>1.5. Ký kết các biên bản định giá/tái định giá tài sản thế chấp, các biên bản bàn giao chứng từ cầm cố thế chấp, các báo cáo cập nhật tình hình tài sản thế chấp khi Ngân hàng yêu cầu; các chứng từ đăng ký giao dịch đảm bảo với cơ quan chức năng.</p>
	<p>1.6. Ký kết các hợp đồng tín dụng lần đầu cấp hạn mức và các sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) được phê duyệt theo Nghị quyết/Quyết định, quy chế công ty; ký kết các hợp đồng liên quan định kỳ gia hạn hàng năm để bổ sung vốn lưu động nếu hạn mức không đổi theo chính sách/quy định chung của Công ty.</p>
	<p>1.7. Ký kết các hợp đồng, hồ sơ, chứng từ liên quan đến tín dụng, vay vốn (bao gồm phát hành thư tín dụng, phát hành thư bảo lãnh, chiết khấu bộ chứng từ, giấy nhận nợ, gia hạn nợ, thay đổi lãi suất, ...); liên quan đến cầm cố thế chấp tài sản theo chính sách/quy định chung của Công ty.</p>

		1.8. Ký kết và tái ký định kỳ hằng năm các hợp đồng khung liên quan chương trình Ngân hàng hỗ trợ nhà phân phối, nhà cung cấp theo chính sách/quy định chung của Công ty.
		1.9. Đại diện làm việc, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại với Ngân hàng (nếu có).
		1.10. Ký kết các báo cáo định kỳ hàng quý cung cấp cho Ngân hàng để xếp hạng tín dụng.
		1.11. Ký các công văn, giấy tờ, báo cáo liên quan đến Tài chính (như Báo cáo tài chính, báo cáo tài chính soát xét và kiểm toán, ...); và thư từ khác gửi đến cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các nội dung này.
		1.12. Chứng thực bản sao từ bản chính các tài liệu cung cấp cho Ngân hàng theo đúng quy định của Pháp luật và quy chế văn thư lưu trữ của Công ty.
		1.13. Ký các hồ sơ, giấy tờ liên quan tới: Các thủ tục đăng ký thuế, báo cáo thuế, thanh kiểm tra thuế bao gồm các tờ khai thuế, thông báo thuế, biên bản làm việc, công văn giải trình và các thư từ khác gửi cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các nội dung này.
		1.14. Ký các giấy tờ phát sinh từ hoặc liên quan đến việc xác nhận/đối chiếu giao dịch và/hoặc số dư công nợ với Nhà cung cấp, Khách hàng và các Bên liên quan; nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí, các khoản phạt hành chính với cơ quan nhà nước.
		1.15. Thực hiện và ký kết các tài liệu nội bộ liên quan đến vấn đề phê duyệt tài chính, thanh toán.
		1.16. Ký kết danh mục tài sản định kỳ hằng quý cung cấp cho Công ty Bảo Hiểm để cập nhật giá trị mua bảo hiểm rủi ro hàng tồn kho và tài sản.
		1.17. Ký các hợp đồng, hồ sơ, chứng từ giao dịch khác tại Ngân hàng.
2	Ký Hợp đồng và hồ sơ, tài liệu	<p>2.1. Đại diện Bên ủy quyền ký kết các hợp đồng, thỏa thuận, hồ sơ chứng từ phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty:</p> <p>2.1.1. Ký hồ sơ, văn bản chào giá cạnh tranh, mời thầu, lựa chọn nhà thầu, duyệt giá, ... liên quan đến hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ, công nghệ thông tin của Công ty.</p> <p>2.1.2. Ký các hợp đồng thương mại – mua/bán hàng hóa, dịch vụ, công nghệ thông tin; hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu; và tất cả các loại hợp đồng khác không kể giá trị.</p> <p>2.1.3. Ký hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ khác liên quan đến việc thực hiện hợp đồng (<i>biên bản giao nhận, nghiệm thu, thanh lý, tờ khai xuất nhập khẩu, ...</i>).</p>

		<p>2.1.4. Ký các công văn, giấy tờ (bao gồm các giấy tờ liên quan tới: Công bố thông tin; báo cáo tài chính, báo cáo thuế, báo cáo kiểm toán, ...); thư từ, giấy giới thiệu, đơn, xin giấy phép, đăng ký sản phẩm; các hồ sơ, tài liệu, thủ tục liên quan đến nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, quyền tác giả và các quyền sở hữu trí tuệ khác, quảng cáo, khuyến mại, vệ sinh an toàn thực phẩm; tờ khai xuất khẩu; sao y bản chính tài liệu và các văn bản hành chính khác.</p> <p>2.1.5. Ký các hợp đồng, tài liệu liên quan đến việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp của Công ty trong các doanh nghiệp khác và các hồ sơ đăng ký liên quan.</p> <p>2.1.6. Ký các cam kết với các đối tác, khách hàng.</p> <p>2.2. Thanh toán các nghĩa vụ Hợp đồng, thỏa thuận, các nghĩa vụ thuế, phí, các nghĩa vụ tài chính khác với các bên thứ Ba liên quan và/hoặc cơ quan Nhà nước.</p>
3	Lao động	Ký kết Hợp đồng lao động, các Quyết định tuyển dụng, chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, tạm đình chỉ công việc, nghỉ việc, chấm dứt Hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, cam kết minh bạch đối với nhân viên trong Công ty.
4	Đại diện làm việc với Bên Thứ ba	Đại diện làm việc, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại với đối tác, người tiêu dùng và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật; đưa ra các ý kiến, giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu; ký và đóng dấu công ty lên các văn bản trong quá trình làm việc với các Bên thứ ba nêu trên.
5	Khác	<p>Ký và thực hiện các quyết định đầu tư tài sản cố định theo thẩm quyền quy định trong quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty.</p> <p>Các quyết định thanh lý, hủy tài sản cố định, hàng hóa, nguyên vật liệu: Theo thẩm quyền quy định trong quy chế nội bộ và Điều lệ Công ty.</p>

Ghi chú: Đối với các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét, Bên Nhận ủy quyền có trách nhiệm thông báo cho thư ký Hội đồng quản trị của Công ty trước khi thực hiện giao dịch để thư ký Hội đồng quản trị liên hệ bộ phận thực hiện các thủ tục liên quan đến công bố thông tin theo quy định tại Điểm m, Khoản 1, Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Thông tư này.

Điều 2: Bên Nhận ủy quyền có trách nhiệm thực hiện những công việc trong phạm vi ủy quyền và theo chính sách/quy định chung của Công ty (nếu có), được phép ủy quyền lại nội dung Mục 1, Mục 2.1.1, 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.6, Mục 4, Mục 5 Điều 1 cho Bên Thứ ba và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền lại trước Bên Ủy quyền.

Điều 3: Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 31/12/2026 hoặc khi có Thông báo/Giấy ủy quyền thay thế hoặc hủy bỏ giấy ủy quyền này. Giấy ủy quyền này thay thế cho các Giấy ủy quyền trước đó có cùng phạm vi ủy quyền. Giấy ủy quyền được lập thành 03 (ba) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.



BÊN ỦY QUYỀN

TRƯƠNG CÔNG THẮNG

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

NGUYỄN HOÀNG YẾN



TRƯƠNG CÔNG THẮNG



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

THƯ ỦY QUYỀN

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2025

Kính gửi các cơ quan hữu quan,

Tôi, **WARRICK ANTONY CLEINE** ("**Người ủy quyền**"), Hộ chiếu số RB258784 cấp ngày 5 tháng 8 năm 2024 tại New Zealand, là Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của **CÔNG TY TNHH KPMG** ("**Công ty**") có địa chỉ tại Tầng 46 Tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, Tòa nhà 72 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam, và đồng thời là Người đứng đầu **Chi Nhánh Công Ty TNHH KPMG** ("**Chi nhánh**") có địa chỉ tại số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam, bằng văn bản này ủy quyền cho cá nhân sau đây ("**Người được ủy quyền**"):

- Họ tên : **TRƯƠNG VĨNH PHÚC**
- Căn cước công dân
 - + Số : 052080014348
 - + Ngày cấp : 17/12/2021
 - + Nơi cấp : Việt Nam
- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của tôi để ký kết các văn bản, giấy tờ sau đây, kể cả các văn bản được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung của các văn bản, giấy tờ này:

- các hồ sơ/thư đề xuất dịch vụ, hồ sơ dự thầu, các thư thỏa thuận cung ứng dịch vụ và các hợp đồng cung cấp các dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác với số tiền không vượt quá 6.000.000.000VND (bằng chữ: sáu tỷ Đồng Việt Nam) cho mỗi giao dịch;
- các báo cáo kiểm toán, báo cáo soát xét và các báo cáo khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác; và
- các thư từ, trao đổi và thỏa thuận khác, bao gồm thư thỏa thuận với các nhà thầu thứ ba, có liên quan trực tiếp đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác với số tiền không vượt quá 2.500.000.000VND (bằng chữ: hai tỷ năm trăm triệu Đồng Việt Nam) cho mỗi giao dịch (không áp dụng cho các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ nói chung của Công ty hoặc của Chi nhánh mà không liên quan trực tiếp đến việc cung cấp một dịch vụ kiểm toán và/hoặc một dịch vụ có liên quan khác).





Thư Ủy Quyền này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, trừ trường hợp bị chấm dứt trước thời hạn hoặc được gia hạn thêm bởi thông báo khác bằng văn bản của tôi.

Thư Ủy Quyền này được lập thành năm (05) bản tiếng Việt và năm (05) bản tiếng Anh, có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

Người Ủy Quyền



WARRICK ANTONY CLEINE

Người Được Ủy Quyền

TRƯƠNG VINH PHÚC

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực.....00 876 01.....SCT/ES
Ngày.....20-02-2025.....tháng.....năm.....



Nguyễn Duy Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2.7...../2025/CV-MS

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận BCTC
hợp nhất năm 2024

Tp. HCM, ngày 3 tháng 3 năm 2025

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC, và
- Căn cứ vào Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (trên cơ sở hợp nhất) năm 2024 và so với năm 2023 của Công ty và công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN của Tập đoàn trên cơ sở hợp nhất năm 2024 và so với cùng kỳ năm 2023 như sau:

Chi tiêu	2024	2023	Biến động	
	VND	VND	VND	%
Doanh thu thuần	30.897.225.625.237	28.240.992.632.837	2.656.232.992.400	9%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trước thuế TNDN ⁽¹⁾	7.524.775.993.400	6.720.610.368.761	804.165.624.639	12%
Thu nhập thuần hoạt động tài chính ⁽²⁾	1.422.750.183.884	1.315.484.121.974	107.266.061.910	8%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.920.537.530.999	7.194.170.245.145	726.367.285.854	10%

Lợi nhuận sau thuế TNDN (trên cơ sở hợp nhất) năm 2024 tăng 10% so với năm trước, chủ yếu do tăng từ các chỉ tiêu:

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trước thuế TNDN của Tập đoàn tăng 12%, do các yếu tố sau:
 - doanh thu thuần tăng trưởng 9% trong đó chủ yếu là tăng trưởng của ngành hàng đồ uống, thực phẩm tiện lợi và gia vị cộng hưởng với việc kiểm soát hiệu quả chi phí sản xuất giúp gia tăng lợi nhuận gộp của Tập đoàn; và
 - mức tăng của lợi nhuận gộp bù trừ với mức tăng thấp hơn của chi phí hoạt động. Chi phí hoạt động chủ yếu chi phí quảng cáo, khuyến mãi tăng với mục tiêu xây dựng, gia tăng sự nhận diện các nhãn hiệu và thúc đẩy doanh số bán của Tập đoàn.
- Thu nhập thuần hoạt động tài chính tăng 8%, nhờ việc tối ưu hóa các dòng tiền đầu tư của Tập đoàn và lãi suất chi phí đi vay được giảm.

¹ Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trước thuế TNDN được tính bằng Lợi nhuận gộp (-) trừ Tổng Chi phí bán hàng và Quản lý doanh nghiệp

² Thu nhập thuần hoạt động tài chính được tính bằng Doanh thu hoạt động tài chính (-) Chi phí tài chính.

27

Trân trọng,

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

TUO. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HOÀNG YẾN



Số: 03./2025/GUQ-MS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 01 năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN

BÊN ỦY QUYỀN:

Ông : **TRƯƠNG CÔNG THẮNG**
Chức danh : Tổng giám đốc – Người đại diện theo pháp luật

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

Bà : **NGUYỄN HOÀNG YẾN**
CCCD số : 001163038116, ngày cấp: 07/06/2023, nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.



NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Điều 1. Bên Ủy quyền theo đây ủy quyền cho Bên Nhận ủy quyền và Bên Nhận ủy quyền đồng ý nhận ủy quyền thực hiện các công việc sau:

STT	Lĩnh vực	Diễn giải
1	Tài chính – Ngân hàng	<p>1.1. Toàn quyền quản lý, điều hành và sử dụng tài khoản tại Ngân hàng theo chính sách/quy định chung của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền sau:</p> <p>1.1.1. Thực hiện các yêu cầu mở tài khoản, đóng tài khoản và thực hiện tất cả các giao dịch liên quan đến mở tài khoản tại các Ngân hàng (bao gồm nhưng không giới hạn: thay đổi thông tin tài khoản, thông tin dịch vụ ngân hàng điện tử; truy vấn thông tin giao dịch liên quan đến các tài khoản; thay đổi thông tin liên quan hồ sơ pháp lý như thay đổi giấy phép kinh doanh, điều lệ, thay đổi mẫu dấu, ...).</p> <p>1.1.2. Ký kết các Hợp đồng, thỏa thuận, hồ sơ, chứng từ liên quan đến tất cả các dịch vụ tài khoản (bao gồm nhưng không giới hạn: dịch vụ thẻ, SMS, dịch vụ ngân hàng điện tử, giao dịch qua Fax/Email, công văn phí giao dịch ngân hàng, ...).</p>

	<p>1.1.3. Ký kết các Hợp đồng trả lương, Hợp đồng/thỏa thuận dịch vụ/gói giải pháp tại Ngân hàng.</p> <p>1.1.4. Ký kết và phê duyệt các đề nghị trả nợ trước hạn/đến hạn khoản vay, trích tiền từ tài khoản thanh toán để trả nợ gốc, lãi vay, phí và các chi phí khác.</p> <p>1.1.5. Ký kết các công văn yêu cầu cung cấp hay xác nhận số dư với Ngân hàng; đối chiếu giao dịch và/hoặc số dư với Khách hàng, nhà cung cấp, Bên liên quan theo yêu cầu của Kiểm toán hay cơ quan chức năng.</p>
	<p>1.2. Ký kết các Hợp đồng mua bán ngoại tệ (spot, swap, hedging, option, future, ...) theo chính sách/quy định chung của Công ty.</p>
	<p>1.3. Ký kết và thực hiện các Hợp đồng tiền gửi, các thư rút trước hạn hợp đồng tiền gửi – không kể giá trị/loại tiền/kỳ hạn theo chính sách/quy định chung của Công ty.</p>
	<p>1.4. Ký kết các hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản theo chính sách/quy định chung của Công ty.</p>
	<p>1.5. Ký kết các biên bản định giá/tái định giá tài sản thế chấp, các biên bản bàn giao chứng từ cầm cố thế chấp, các báo cáo cập nhật tình hình tài sản thế chấp khi Ngân hàng yêu cầu; các chứng từ đăng ký giao dịch đảm bảo với cơ quan chức năng.</p>
	<p>1.6. Ký kết các hợp đồng tín dụng lần đầu cấp hạn mức và các sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) được phê duyệt theo Nghị quyết/Quyết định, quy chế công ty; ký kết các hợp đồng liên quan định kỳ gia hạn hàng năm để bổ sung vốn lưu động nếu hạn mức không đổi theo chính sách/quy định chung của Công ty.</p>
	<p>1.7. Ký kết các hợp đồng, hồ sơ, chứng từ liên quan đến tín dụng, vay vốn (bao gồm phát hành thư tín dụng, phát hành thư bảo lãnh, chiết khấu bộ chứng từ, giấy nhận nợ, gia hạn nợ, thay đổi lãi suất, ...); liên quan đến cầm cố thế chấp tài sản theo chính sách/quy định chung của Công ty.</p>

		1.8. Ký kết và tái ký định kỳ hằng năm các hợp đồng khung liên quan chương trình Ngân hàng hỗ trợ nhà phân phối, nhà cung cấp theo chính sách/quy định chung của Công ty.
		1.9. Đại diện làm việc, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại với Ngân hàng (nếu có).
		1.10. Ký kết các báo cáo định kỳ hàng quý cung cấp cho Ngân hàng để xếp hạng tín dụng.
		1.11. Ký các công văn, giấy tờ, báo cáo liên quan đến Tài chính (như Báo cáo tài chính, báo cáo tài chính soát xét và kiểm toán, ...); và thư từ khác gửi đến cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các nội dung này.
		1.12. Chứng thực bản sao từ bản chính các tài liệu cung cấp cho Ngân hàng theo đúng quy định của Pháp luật và quy chế văn thư lưu trữ của Công ty.
		1.13. Ký các hồ sơ, giấy tờ liên quan tới: Các thủ tục đăng ký thuế, báo cáo thuế, thanh kiểm tra thuế bao gồm các tờ khai thuế, thông báo thuế, biên bản làm việc, công văn giải trình và các thư từ khác gửi cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các nội dung này.
		1.14. Ký các giấy tờ phát sinh từ hoặc liên quan đến việc xác nhận/đối chiếu giao dịch và/hoặc số dư công nợ với Nhà cung cấp, Khách hàng và các Bên liên quan; nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí, các khoản phạt hành chính với cơ quan nhà nước.
		1.15. Thực hiện và ký kết các tài liệu nội bộ liên quan đến vấn đề phê duyệt tài chính, thanh toán.
		1.16. Ký kết danh mục tài sản định kỳ hằng quý cung cấp cho Công ty Bảo Hiểm để cập nhật giá trị mua bảo hiểm rủi ro hàng tồn kho và tài sản.
		1.17. Ký các hợp đồng, hồ sơ, chứng từ giao dịch khác tại Ngân hàng.
2	Ký Hợp đồng và hồ sơ, tài liệu	<p>2.1. Đại diện Bên ủy quyền ký kết các hợp đồng, thỏa thuận, hồ sơ chứng từ phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty:</p> <p>2.1.1. Ký hồ sơ, văn bản chào giá cạnh tranh, mời thầu, lựa chọn nhà thầu, duyệt giá, ... liên quan đến hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ, công nghệ thông tin của Công ty.</p> <p>2.1.2. Ký các hợp đồng thương mại – mua/bán hàng hóa, dịch vụ, công nghệ thông tin; hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu; và tất cả các loại hợp đồng khác không kể giá trị.</p> <p>2.1.3. Ký hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ khác liên quan đến việc thực hiện hợp đồng (<i>biên bản giao nhận, nghiệm thu, thanh lý, tờ khai xuất nhập khẩu, ...</i>).</p>

		<p>2.1.4. Ký các công văn, giấy tờ (bao gồm các giấy tờ liên quan tới: Công bố thông tin; báo cáo tài chính, báo cáo thuế, báo cáo kiểm toán, ...); thư từ, giấy giới thiệu, đơn, xin giấy phép, đăng ký sản phẩm; các hồ sơ, tài liệu, thủ tục liên quan đến nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, quyền tác giả và các quyền sở hữu trí tuệ khác, quảng cáo, khuyến mại, vệ sinh an toàn thực phẩm; tờ khai xuất khẩu; sao y bản chính tài liệu và các văn bản hành chính khác.</p> <p>2.1.5. Ký các hợp đồng, tài liệu liên quan đến việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp của Công ty trong các doanh nghiệp khác và các hồ sơ đăng ký liên quan.</p> <p>2.1.6. Ký các cam kết với các đối tác, khách hàng.</p> <p>2.2. Thanh toán các nghĩa vụ Hợp đồng, thỏa thuận, các nghĩa vụ thuế, phí, các nghĩa vụ tài chính khác với các bên thứ Ba liên quan và/hoặc cơ quan Nhà nước.</p>
3	Lao động	Ký kết Hợp đồng lao động, các Quyết định tuyển dụng, chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, tạm đình chỉ công việc, nghỉ việc, chấm dứt Hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, cam kết minh bạch đối với nhân viên trong Công ty.
4	Đại diện làm việc với Bên Thứ ba	Đại diện làm việc, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại với đối tác, người tiêu dùng và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật; đưa ra các ý kiến, giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu; ký và đóng dấu công ty lên các văn bản trong quá trình làm việc với các Bên thứ ba nêu trên.
5	Khác	<p>Ký và thực hiện các quyết định đầu tư tài sản cố định theo thẩm quyền quy định trong quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty.</p> <p>Các quyết định thanh lý, hủy tài sản cố định, hàng hóa, nguyên vật liệu: Theo thẩm quyền quy định trong quy chế nội bộ và Điều lệ Công ty.</p>

Ghi chú: Đối với các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét, Bên Nhận ủy quyền có trách nhiệm thông báo cho thư ký Hội đồng quản trị của Công ty trước khi thực hiện giao dịch để thư ký Hội đồng quản trị liên hệ bộ phận thực hiện các thủ tục liên quan đến công bố thông tin theo quy định tại Điểm m, Khoản 1, Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Thông tư này.

Điều 2: Bên Nhận ủy quyền có trách nhiệm thực hiện những công việc trong phạm vi ủy quyền và theo chính sách/quy định chung của Công ty (nếu có), được phép ủy quyền lại nội dung Mục 1, Mục 2.1.1, 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.6, Mục 4, Mục 5 Điều 1 cho Bên Thứ ba và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền lại trước Bên Ủy quyền.

Điều 3: Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 31/12/2026 hoặc khi có Thông báo/Giấy ủy quyền thay thế hoặc hủy bỏ giấy ủy quyền này. Giấy ủy quyền này thay thế cho các Giấy ủy quyền trước đó có cùng phạm vi ủy quyền. Giấy ủy quyền được lập thành 03 (ba) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.



BÊN ỦY QUYỀN

TRƯƠNG CÔNG THẮNG

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

NGUYỄN HOÀNG YẾN



Handwritten signature in blue ink.